DANH MỤC THUỐC HÓA DƯỢC BỆNH VIỆN TÂM T
ĐĂNG KÝ ĐẤU THẦU TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG

STT	stt DM sở	Tên hoạt chất	Phân Nhóm tiêu chuẩn kỹ thuật (TCKT)	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Giá kế hoạch (VND)	Số lượng thuốc sử dụng 9/2023 đến tháng 9/2024
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	5	Acetyl leucin	1	500mg	Uống	Viên	Viên		
			2	500mg	Uống	Viên	Viên		-
1			3	500mg	Uống	Viên	Viên		
			4	500mg	Uống	Viên	Viên		
			5	500mg	Uống	Viên	Viên		
	44	Alverin citrat	1	40mg	Uống	Viên	Viên		
			2	40mg	Uống	Viên	Viên		
			3	40mg	Uống	Viên	Viên		
2			4	40mg	Uống	Viên	Viên		-
			5	40mg	Uống	Viên	Viên		
	54	Amitriptylin hydroclorid	1	25mg	Uống	Viên	Viên		
3			2	25mg	Uống	Viên	Viên		9.264
			3	25mg	Uống	Viên	Viên		
4			4	25mg	Uống	Viên	Viên		
			5	25mg	Uống	Viên	Viên		
5	56	Amlodipin	1	10mg	Uống	Viên	Viên		316
			2	10mg	Uống	Viên	Viên		
			3	10mg	Uống	Viên	Viên		
			4	10mg	Uống	Viên	Viên		
			5	10mg	Uống	Viên	Viên		
6	57	Amlodipin (*)	3	5mg	Uống	Viên	Viên		-
			4	5mg	Uống	Viên	Viên		
			5	5mg	Uống	Viên	Viên		
	66	Amoxicilin + Acid clavulanic	1	500mg + 62,5mg	Uống	Viên	Viên		
			2	500mg + 62,5mg	Uống	Viên	Viên		
7			3	500mg + 62,5mg	Uống	Viên	Viên		-
			4	500mg + 62,5mg	Uống	Viên	Viên		
			5	500mg + 62,5mg	Uống	Viên	Viên		
	67	Amoxicilin + Acid clavulanic	1	250mg + 31,25mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống	Gói		
			2	250mg + 31,25mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống	Gói		
8			**3**	250mg + 31,25mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống	Gói		-
			4	250mg + 31,25mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống	Gói		

			5	250mg + 31,25mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống	Gói		
9	68	Amoxicillin	1	500mg	Uống	Viên nang	Viên		-
			2	500mg	Uống	Viên nang	Viên		
			3	500mg	Uống	Viên nang	Viên		
			4	500mg	Uống	Viên nang	Viên		
			5	500mg	Uống	Viên nang	Viên		
	78	Atropin sulfat	1	0,25mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
			2	0,25mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
			3	0,25mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
10			4	0,25mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		-
			5	0,25mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
	83	Bacillus clausii	1	1.10^9 - 2.10^9 CFU	Uống	Viên nang	Viên		
			2	1.10^9 - 2.10^9 CFU	Uống	Viên nang	Viên		
			3	1.10^9 - 2.10^9 CFU	Uống	Viên nang	Viên		
11			4	1.10^9 - 2.10^9 CFU	Uống	Viên nang	Viên		-
			5	1.10^9 - 2.10^9 CFU	Uống	Viên nang	Viên		
12	92	Betahistin dihydrochlorid	1	16mg	Uống	Viên	Viên		-
			2	16mg	Uống	Viên	Viên		
			3	16mg	Uống	Viên	Viên		
			4	16mg	Uống	Viên	Viên		
			5	16mg	Uống	Viên	Viên		
13	119	Calci lactat	1	300mg	Uống	Viên	Viên		-
			2	300mg	Uống	Viên	Viên		
			3	300mg	Uống	Viên	Viên		
			4	300mg	Uống	Viên	Viên		
			5	300mg	Uống	Viên	Viên		
14	127	Candesartan	1	16mg	Uống	Viên	Viên		-
			2	16mg	Uống	Viên	Viên		
			3	16mg	Uống	Viên	Viên		
			4	16mg	Uống	Viên	Viên		
			5	16mg	Uống	Viên	Viên		
	136	Carbamazepin	1	200mg	Uống	Viên	Viên		
			2	200mg	Uống	Viên	Viên		
15			3	200mg	Uống	Viên	Viên		-
			4	200mg	Uống	Viên	Viên		
			5	200mg	Uống	Viên	Viên		
	158	Cefixim	1	200mg	Uống	Viên	Viên		
			2	200mg	Uống	Viên	Viên		
			3	200mg	Uống	Viên	Viên		
16			4	200mg	Uống	Viên	Viên		-
			5	200mg	Uống	Viên	Viên		
	180	Cefuroxim	1	500mg	Uống	Viên	Viên		
			2	500mg	Uống	Viên	Viên		
			3	500mg	Uống	Viên	Viên		
17			4	500mg	Uống	Viên	Viên		-
			5	500mg	Uống	Viên	Viên		
	183	Cetirizin	1	10mg	Uống	Viên	Viên		
			2	10mg	Uống	Viên	Viên		
18			3	10mg	Uống	Viên	Viên		1.001
19			4	10mg	Uống	Viên	Viên		
			5	10mg	Uống	Viên	Viên		
	200	Clorpromazin hydroclorid	1	25mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
20			2	25mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		1.809
			3	25mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
			4	25mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
			5	25mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
	201	Clorpromazin hydroclorid	1	25mg	Uống	Viên	Viên		
21			2	25mg	Uống	Viên	Viên		18.587
			3	25mg	Uống	Viên	Viên		

			4	25mg	Uống	Viên	Viên		
			5	25mg	Uống	Viên	Viên		
			1	4mg	Uống	Viên	Viên		
			2	4mg	Uống	Viên	Viên		
22	215	Chlorpheniramin (hydrogen maleat)	3	4mg	Uống	Viên	Viên		-
23			4	4mg	Uống	Viên	Viên		-
			5	4mg	Uống	Viên	Viên		
24			1	5mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		1.103
			2	5mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
	229	Diazepam	3	5mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
25			4	5mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		-
			5	5mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
25			1	5mg	Uống	Viên	Viên		2.814
			2	5mg	Uống	Viên	Viên		
	230	Diazepam	3	5mg	Uống	Viên	Viên		
26			4	5mg	Uống	Viên	Viên		-
			5	5mg	Uống	Viên	Viên		
27			1	5mg	Uống	Viên	Viên		38
			2	5mg	Uống	Viên	Viên		
	265	Enalapril	3	5mg	Uống	Viên	Viên		
			4	5mg	Uống	Viên	Viên		
			5	5mg	Uống	Viên	Viên		
28			1	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		71
			2	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
	273	Epinephrin (adrenalin)	3	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
29			4	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		71
			5	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
			1	20mg	Uống	viên nang cứng chứa pellet tan trong ruột	Viên		
			2	20mg	Uống	viên nang cứng chứa pellet tan trong ruột	Viên		
30	284	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol (magnesi dihydrat) vi hạt 22%)	3	20mg	Uống	viên nang cứng chứa pellet tan trong ruột	Viên		-
			4	20mg	Uống	viên nang cứng chứa pellet tan trong ruột	Viên		
			5	20mg	Uống	viên nang cứng chứa pellet tan trong ruột	Viên		
31			1	60mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên		-
			2	60mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên		
	328	Gliclazid	3	60mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên		
			4	60mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên		

			5	60mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên		
32			1	5% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/ Lọ/ Ống/Túi		110
			2	5% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/ Lọ/ Ống/Túi		
	336	Glucose	3	5% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/ Lọ/ Ống/Túi		
			4	5% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/ Lọ/ Ống/Túi		
			5	5% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/ Lọ/ Ống/Túi		
			1	1,5mg	Uống	Viên	Viên		
33			2	1,5mg	Uống	Viên	Viên		-
	347	Haloperidol	3	1,5mg	Uống	Viên	Viên		
34			4	1,5mg	Uống	Viên	Viên		5.272
			5	1,5mg	Uống	Viên	Viên		
			1	5mg	Uống	Viên	Viên		
35			2	5mg	Uống	Viên	Viên		-
	348	Haloperidol	3	5mg	Uống	Viên	Viên		
36			4	5mg	Uống	Viên	Viên		17.075
			5	5mg	Uống	Viên	Viên		
37			1	600mg	Uống	Viên	Viên		-
			2	600mg	Uống	Viên	Viên		
	392	Kali clorid	3	600mg	Uống	Viên	Viên		
			4	600mg	Uống	Viên	Viên		
			5	600mg	Uống	Viên	Viên		
			1	5mg	Uống	Viên	Viên		
			2	5mg	Uống	Viên	Viên		
38	436	Loratadin	3	5mg	Uống	Viên	Viên		-
			4	5mg	Uống	Viên	Viên		
			5	5mg	Uống	Viên	Viên		
			1	470mg + 5mg	Uống	viên bao tan ở ruột	Viên		
	452	Magnesi lactat dihydrat + Pyridoxine HCl (Vitamin B6)	2	470mg + 5mg	Uống	Viên sủi	Viên		
			3	470mg + 5mg	Uống	Viên sủi	Viên		
39			4	470mg + 5mg	Uống	Viên sủi	Viên		-
			5	470mg + 5mg	Uống	Viên sủi	Viên		
40			1	940mg + 10mg	Uống	Viên sủi	Viên		-
			2	940mg + 10mg	Uống	Viên sủi	Viên		
	453	Magnesi lactat + Vitamin B6	3	940mg + 10mg	Uống	Viên sủi	Viên		
			4	940mg + 10mg	Uống	Viên sủi	Viên		
			5	940mg + 10mg	Uống	Viên sủi	Viên		
41			3	7,5mg	Uống	Viên	Viên		-
42	461	Meloxicam (*)	4	7,5mg	Uống	Viên	Viên		-
			5	7,5mg	Uống	Viên	Viên		
			1	1000mg	Uống	Viên	Viên		
			2	1000mg	Uống	Viên	Viên		
43	471	Metformin	3	1000mg	Uống	Viên	Viên		-

			4	1000mg	Uống	Viên	Viên		
			5	1000mg	Uống	Viên	Viên		
			1	4mg	Uống	Viên nang	Viên		
			2	4mg	Uống	Viên nang	Viên		
	484	Methyl prednisolon	3	4mg	Uống	Viên nang	Viên		
44			4	4mg	Uống	Viên nang	Viên		-
			5	4mg	Uống	Viên nang	Viên		
45			1	250mg	Uống	Viên	Viên		1.303
			2	250mg	Uống	Viên	Viên		
	488	Metronidazol	3	250mg	Uống	Viên	Viên		
46			4	250mg	Uống	Viên	Viên		
			5	250mg	Uống	Viên	Viên		
			1	0,9% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/ Lọ/ Ống/Túi		
			2	0,9% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/ Lọ/ Ống/Túi		
	510	Natri clorid	3	0,9% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/ Lọ/ Ống/Túi		
47			4	0,9% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/ Lọ/ Ống/Túi		414
			5	0,9% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/ Lọ/ Ống/Túi		
			1	0,9%	Nhỏ mắt, nhỏ mũi	Thuốc nhỏ mắt	Chai/ Lọ		
			2	0,9%	Nhỏ mắt, nhỏ mũi	Thuốc nhỏ mắt	Chai/ Lọ		
	515	Natri clorid	3	0,9%	Nhỏ mắt, nhỏ mũi	Thuốc nhỏ mắt	Chai/ Lọ		
48			4	0,9%	Nhỏ mắt, nhỏ mũi	Thuốc nhỏ mắt	Chai/ Lọ		151
			5	0,9%	Nhỏ mắt, nhỏ mũi	Thuốc nhỏ mắt	Chai/ Lọ		
			1	5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
			2	5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
	538	Nước cất pha tiêm	3	5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
49			4	5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		201
			5	5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
			1	10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
			2	10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
	539	Nước cất pha tiêm	3	10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		

50			4	10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
			5	10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
			1	3% x 60ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/ Lọ/ Ống/Túi		
51			2	3% x 60ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/ Lọ/ Ống/Túi		-
	540	Nước oxy già	3	3% x 60ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/ Lọ/ Ống/Túi		
52			4	3% x 60ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/ Lọ/ Ống/Túi		-
			5	3% x 60ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/ Lọ/ Ống/Túi		
			1	10mg	Uống	Viên	Viên		
			2	10mg	Uống	Viên	Viên		
53	551	Olanzapin	3	10mg	Uống	Viên	Viên		155.017
			4	10mg	Uống	Viên	Viên		
			5	10mg	Uống	Viên	Viên		
			1	5mg	Uống	Viên	Viên		
54			2	5mg	Uống	Viên	Viên		-
	552	Olanzapin	3	5mg	Uống	Viên	Viên		
			4	5mg	Uống	Viên	Viên		
			5	5mg	Uống	Viên	Viên		
55			3	20mg	Uống	Viên	Viên		-
56	555	Omeprazol (*)	4	20mg	Uống	Viên	Viên		1.079
			5	20mg	Uống	Viên	Viên		
			1	500mg	Uống	Viên	Viên		
57			2	500mg	Uống	Viên	Viên		
58	568	Paracetamol	3	500mg	Uống	Viên	Viên		20.151
			4	500mg	Uống	Viên	Viên		
			5	500mg	Uống	Viên	Viên		
			1	325mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống	Gói		
			2	325mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống	Gói		
	570	Paracetamol	3	325mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống	Gói		
59			4	325mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống	Gói		
			5	325mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống	Gói		
			3	800mg	Uống	Viên	Viên		
60	601	Piracetam (*)	4	800mg	Uống	Viên	Viên		8.932
			5	800mg	Uống	Viên	Viên		
			1	10% x 500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/ Lọ		
			2	10% x 500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/ Lọ		
	606	Povidon iodin	3	10% x 500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/ Lọ		

61			4	10% x 500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/ Lọ		-
			5	10% x 500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/ Lọ		
			1	10% x 90ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/ Lọ		
			2	10% x 90ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/ Lọ		
	607	Povidon iodin	3	10% x 90ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/ Lọ		
62			4	10% x 90ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/ Lọ		-
			5	10% x 90ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/ Lọ		
			1	5mg	Uống	Viên sủi	Viên		
63			2	5mg	Uống	Viên sủi	Viên		
64	612	Prednisolon	3	5mg	Uống	Viên sủi	Viên		
			4	5mg	Uống	Viên sủi	Viên		
			5	5mg	Uống	Viên sủi	Viên		
65			3	75mg	Uống	Viên	Viên		-
	615	Pregabalin (*)	4	75mg	Uống	Viên	Viên		
			5	75mg	Uống	Viên	Viên		
			1	100mg	Uống	Viên	Viên		
66			2	100mg	Uống	Viên	Viên		16.080
	625	Phenobarbital	3	100mg	Uống	Viên	Viên		
67			4	100mg	Uống	Viên	Viên		-
			5	100mg	Uống	Viên	Viên		
			1	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
			2	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
	626	Phenobarbital	3	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
68			4	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		-
			5	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống		
69			1	1mg	Uống	Viên phân tán	Viên		-
			2	1mg	Uống	Viên phân tán	Viên		
	643	Risperidon	3	1mg	Uống	Viên phân tán	Viên		
			4	1mg	Uống	Viên phân tán	Viên		
			5	1mg	Uống	Viên phân tán	Viên		
70			1	2mg	Uống	Viên phân tán	Viên		-
			2	2mg	Uống	Viên phân tán	Viên		
	644	Risperidon	3	2mg	Uống	Viên phân tán	Viên		
			4	2mg	Uống	Viên phân tán	Viên		
			5	2mg	Uống	Viên phân tán	Viên		
71			1	2mg	Uống	Viên	Viên		45.135
72			2	2mg	Uống	Viên	Viên		-
	645	Risperidon	3	2mg	Uống	Viên	Viên		
			4	2mg	Uống	Viên	Viên		
			5	2mg	Uống	Viên	Viên		
73			1	310mg + 350mcg	Uống	Viên	Viên		80
			2	310mg + 350mcg	Uống	Viên	Viên		
	662	Sắt Fumarat + Acid folic	3	310mg + 350mcg	Uống	Viên	Viên		
			4	310mg + 350mcg	Uống	Viên	Viên		
			5	310mg + 350mcg	Uống	Viên	Viên		
			1	162mg + 750mcg	Uống	Viên nang	Viên		
			2	162mg + 750mcg	Uống	Viên nang	Viên		
	664	Sắt Fumarat + Acid folic	3	162mg + 750mcg	Uống	Viên nang	Viên		
74			4	162mg + 750mcg	Uống	Viên nang	Viên		
			5	162mg + 750mcg	Uống	Viên nang	Viên		
			1	100mg	Uống	Viên	Viên		
75			2	100mg	Uống	Viên	Viên		
	667	Sertralin	3	100mg	Uống	Viên	Viên		

76			4	100mg	Uống	Viên	Viên		
			5	100mg	Uống	Viên	Viên		
77			1	50mg	Uống	Viên	Viên		13.778
			2	50mg	Uống	Viên	Viên		
	684	Sulpirid	3	50mg	Uống	Viên	Viên		
78			4	50mg	Uống	Viên	Viên		
			5	50mg	Uống	Viên	Viên		
			1	2mg	Uống	Viên	Viên		
79			2	2mg	Uống	Viên	Viên		
	727	Trihexyphenidyl hydroclorid	3	2mg	Uống	Viên	Viên		
80			4	2mg	Uống	Viên	Viên		
			5	2mg	Uống	Viên	Viên		
			1	200mg	Uống	Viên	Viên		
81			2	200mg	Uống	Viên	Viên		68.443
	734	Valproat Natri	3	200mg	Uống	Viên	Viên		
			4	200mg	Uống	Viên	Viên		
			5	200mg	Uống	Viên	Viên		
82			1	10mg	Uống	Viên	Viên		7.867
			2	10mg	Uống	Viên	Viên		
	743	Vinpocetin	3	10mg	Uống	Viên	Viên		
			4	10mg	Uống	Viên	Viên		
			5	10mg	Uống	Viên	Viên		
			1	125mg + 125mg + 500mcg	Uống	Viên	Viên		
			2	125mg + 125mg + 500mcg	Uống	Viên	Viên		
	749	Vitamin B1 + B6 + B12	3	125mg + 125mg + 500mcg	Uống	Viên	Viên		
83			4	125mg + 125mg + 500mcg	Uống	Viên	Viên		29.714
			5	125mg + 125mg + 500mcg	Uống	Viên	Viên		
			1	500mg	Uống	Viên	Viên		
84			2	500mg	Uống	Viên	Viên		-
	755	Vitamin C	3	500mg	Uống	Viên	Viên		
85			4	500mg	Uống	Viên	Viên		-
			5	500mg	Uống	Viên	Viên		

LÃNH ĐẠO BỆNH VIỆN

THẦN TỈNH
NĂM 2025-2026

Số lượng dự trù năm 2025	Số lượng dự trù Năm 2026	Thành tiền theo giá kế hoạch dự kiến	Giải trình đối với số lượng dự trù (12 tháng của mỗi năm dự trù 2025-2026) cao hơn 150% so với số lượng đã mua (12 tháng thầu từ 06/2023-06/2024) HOẶC thuốc mới phát sinh nhu cầu
20	21	22	23
40.000	50.000		
1.200	1.200		
20.000	20.000		
4.000	4.000		
2.000	2.000		
2.000	2.000		
4.000	4.000		
200	200		

800	800		
200	200		
2.000	2.000		
12.000	12.000		
1.200	1.200		
2.000	2.000		
12.000	12.000		
2.000	2.000		
2.000	2.000		
1.000	1.000		
1.000	1.000		
8.000	8.000		
40.000	60.000		

2.000	2.000		
2.000	2.000		
2.800	2.800		
1.200	1.200		
6.000	8.000		
4.000	4.000		
1.000	1.000		
800	800		
800	800		
2.000	2.000		
2.000	2.000		

400	400		
5.000	5.000		
20.000	20.000		
8.000	12.000		
40.000	40.000		
4.000	4.000		
1.020	1.200		
12.000	12.000		
6.000	6.000		
8.000	8.000		
8.000	8.000		
2.000	2.000		

12.000	12.000		
1.000	1.000		
2.000	2.000		
1.000	1.000		
400	400		
2.000	2.000		

400	400		
100	100		
100	100		
200.000	240.000		
20.000	20.000		
1.000	1.000		
2.000	2.000		
2.000	2.000		
40.000	40.000		
2.000	2.000		
12.000	12.000		

100	100		
200	200		
400	400		
2.000	2.000		
12.000	12.000		
24.000	32.000		
8.000	8.000		
400	600		
12.000	12.000		
1.000	1.000		
60.000	80.000		
20.000	20.000		
1.000	1.000		
1.000	1.000		
1.000	1.000		

1.000	1.000		
12.000	12.000		
12.000	12.000		
12.000	12.000		
2.000	2.000		
120.000	120.000		
20.000	20.000		
10.000	10.000		
1.000	1.000		
1.000	1.000		

stt	Tên hoạt chất	Phân Nhóm tiêu chuẩn kỹ thuật (TCKT)	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế
1	2	3	4	5	6
1	Acarbose	1	25mg	Uống	Viên
		2	25mg	Uống	Viên
		3	25mg	Uống	Viên
		4	25mg	Uống	Viên
		5	25mg	Uống	Viên
2	Acenocoumarol	1	4mg	Uống	Viên
		2	4mg	Uống	Viên
		3	4mg	Uống	Viên
		4	4mg	Uống	Viên
		5	4mg	Uống	Viên
3	Acetazolamid	1	250mg	Uống	Viên
		2	250mg	Uống	Viên
		3	250mg	Uống	Viên
		4	250mg	Uống	Viên
		5	250mg	Uống	Viên
4	Acetyl leucin	1	1000mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1000mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1000mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1000mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1000mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
5	Acetyl leucin	1	500mg	Uống	Viên
		2	500mg	Uống	Viên
		3	500mg	Uống	Viên
		4	500mg	Uống	Viên
		5	500mg	Uống	Viên
		1	81mg	Uống	Viên

6	Acetylsalicylat Na	2	81mg	Uống	Viên
		3	81mg	Uống	Viên
		4	81mg	Uống	Viên
		5	81mg	Uống	Viên
7	Acetylsalicylic acid	1	75mg	Uống	Viên bao tan ở ruột
		2	75mg	Uống	Viên bao tan ở ruột
		3	75mg	Uống	Viên bao tan ở ruột
		4	75mg	Uống	Viên bao tan ở ruột
		5	75mg	Uống	Viên bao tan ở ruột
8	Acetylsalicylic acid	1	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
9	Aciclovir	1	200mg	Uống	Viên
		2	200mg	Uống	Viên
		3	200mg	Uống	Viên
		4	200mg	Uống	Viên
		5	200mg	Uống	Viên
10	Aciclovir	1	400mg	Uống	Viên
		2	400mg	Uống	Viên
		3	400mg	Uống	Viên
		4	400mg	Uống	Viên
		5	400mg	Uống	Viên
11	Aciclovir	1	800mg	Uống	Viên
		2	800mg	Uống	Viên
		3	800mg	Uống	Viên
		4	800mg	Uống	Viên
		5	800mg	Uống	Viên
		1	5% x 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài

12	Aciclovir	2	5% x 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	5% x 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	5% x 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	5% x 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
13	Aciclovir	1	150mg/5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt
		2	150mg/5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt
		3	150mg/5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt
		4	150mg/5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt
		5	150mg/5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt
14	Aciclovir	1	200mg	Uống	Viên
		2	200mg	Uống	Viên
		3	200mg	Uống	Viên
		4	200mg	Uống	Viên
		5	200mg	Uống	Viên
15	Acid amin (L-lsoleucin; L-Leucin; L Lysin; L-Methionin; L-Cystein; L Phenylalanin; L-Threonin; L Tryptophan; L-Valin; L-Arginin; L-Histidin; Glycin; L-Alanin; L Prolin; L-Serin; L-Malic acid; Glacial acetic acid)	1	7% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	7% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	7% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	7% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	7% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
16	Acid amin (Alanin; Arginin; Acid aspartic; Cystein; Acid Glutamic; Glycin; Histidin; Isoleucin; Leucin; Lysin (dưới dạng monohydrat); Methionin; Phenylalanin; Prolin; Serin; Taurin; Threonin; Tryptophan; Tyrosin; Valin)	1	6,5% x 100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	6,5% x 100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	6,5% x 100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	6,5% x 100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	6,5% x 100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
	Acid amin (Isoleucin + Leucin + Lysin (dưới dạng lysin acetat) + Methionin + Phenylalanin + Threonin + Tryptophan + Valin + Arginin + Histidin + Glycin + Alanin + Prolin + Acid	1	10% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	10% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	10% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền

17	+ Alanin + Prolin + Acid aspartic + Asparagine + Cystein (dưới dạng acetylcysstein) + Acid glutamic + Ornithine (dưới dạng ornithine HCl) + Serine + Tyrosine (dưới dạng N acetyltyrosine))	4	10% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	10% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
18	Acid amin (L-Isoleucin; L-Leucin; L-Lysin acetat; L -Methionin; L- Phenylalanin; L-Threonin; L-Tryptophan; L-Valin; L-Alanin; L-Arginin; L-Aspartic acid; L-Cystein; L-Glutamic acid; L-Histidin; L- Prolin; L-Serin; L-Tyrosin; Glycin)	1	10% x 200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	10% x 200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	10% x 200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	10% x 200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	10% x 200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
19	Acid amin (L-Tyrosin; Acid L-Aspartic; Aicd L-Glutamic; L-Serine; L-Histidin; L-Prolin; L Threonin; L-Phenylalanin; L Isoleucin; L-Valin; L-Alanin; L-Arginin; L-Leucin; L-Lysin acetat; L Methionin; L-Trytophan; L-Cystein)	1	7,2% x 200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	7,2% x 200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	7,2% x 200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	7,2% x 200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	7,2% x 200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
20	Acid amin (L-Isoleucine; L-Leucine; L-Lysine acetat; L-Methionin; L-Phenylalanine; L-Threonine; L-Tryptophan; L-Valine; L-Alanine; L Arginine; L-Histidine; L-Proline; L-Serine; Glycine; L-Cysteine hydrochloride)	1	8% x 200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	8% x 200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	8% x 200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	8% x 200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	8% x 200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
21	Acid amin (L-Tyrosine; L-Aspartic Acid; L-Glutamic Acid; L-Cysteine; L-Methionine; L-Serine; L-Histidine; L-Proline; L-Threonine; L-Phenylalanine; L-Isoleucine; L-Valine; - L-Alanine; L-Arginine; L	1	10% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	10% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	10% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	10% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền

	Alanine; L-Arginine; L-Leucine; Glycine; L-Lysine Acetate (tương đương L-Lysine); L-Tryptophan)	5	10% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
22	Acid amin (L-isoleucin; L-leucin; L-lysin HCl; L-methionin; L-phenylalanin; L-threonin; L-tryptophan; L-valin; L-arginin HCl; L-histidin HCl; Glycin; L-alanin; L-prolin; L-aspartic axit; L-asparagin.H2O; L-glutamic acid; L-ornithin HCl; L-serin; L-tyrosin; L-cysteinHCl)	1	10% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	10% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	10% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	10% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	10% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
23	Acid amin (L-Tyrosine; L-AsparticAcid; L-Glutamic Acid; L-Cysteine; L-Methionine; L-Serine; L-Histidine; L-Proline; L-Threonine; L Phenylalanine; L-Isoleucine; L-Valine; L-Alanine; L-Arginine; L Leucine; Glycine; L-Lysine Acetate (tương đương LLysine); L-Tryptophan)	1	10% x 200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	10% x 200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	10% x 200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	10% x 200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	10% x 200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
24	Acid amin + glucose + điện giải	1	(40g + 80g + chất điện giải)/1000ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	(40g + 80g + chất điện giải)/1000ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	(40g + 80g + chất điện giải)/1000ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	(40g + 80g + chất điện giải)/1000ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	(40g + 80g + chất điện giải)/1000ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
25	Acid amin + Glucose + Lipid	1	(11,3% + 11% + 20%)/960ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	(11,3% + 11% + 20%)/960ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	(11,3% + 11% + 20%)/960ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	(11,3% + 11% + 20%)/960ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	(11,3% + 11% + 20%)/960ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		1	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô

26	Acid Folinic (dưới dạng calcium folinat)	2	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
		3	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
		4	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
		5	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
27	Acid fusidic + hydrocortisone	1	15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
28	Acid salicylic + Mometason furoate	1	(50mg + 1mg)/g x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	(50mg + 1mg)/g x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	(50mg + 1mg)/g x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	(50mg + 1mg)/g x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	(50mg + 1mg)/g x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
29	Adenosin triphosphat	1	3mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	3mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	3mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	3mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	3mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
30	Albendazol	1	200mg	Uống	Viên
		2	200mg	Uống	Viên
		3	200mg	Uống	Viên
		4	200mg	Uống	Viên
		5	200mg	Uống	Viên
31	Albendazol	1	400mg	Uống	Viên
		2	400mg	Uống	Viên
		3	400mg	Uống	Viên
		4	400mg	Uống	Viên
		5	400mg	Uống	Viên
32	Albumin	1	20% x 50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	20% x 50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	20% x 50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	20% x 50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	20% x 50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền

33	Albumin	1	25% x 50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	25% x 50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	25% x 50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	25% x 50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	25% x 50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
34	Alfuzosin	**2**	10mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		2	10mg	Uống	
		3	10mg	Uống	
		4	10mg	Uống	
		5	10mg	Uống	
35	Alfuzosin	1	5mg	Uống	Viên
		2	5mg	Uống	Viên
		3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
36	Alfuzosin	1	10mg	Uống	viên nén bao phim giải phóng chậm
		2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên
		5	10mg	Uống	Viên
37	Alimemazin	1	5mg	Uống	Viên
		2	5mg	Uống	Viên
		3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
38	Allopurinol	1	100mg	Uống	Viên
		2	100mg	Uống	Viên
		3	100mg	Uống	Viên
		4	100mg	Uống	Viên
		5	100mg	Uống	Viên
39	Allopurinol	1	300mg	Uống	Viên
		2	300mg	Uống	Viên
		3	300mg	Uống	Viên
		4	300mg	Uống	Viên
		5	300mg	Uống	Viên
40	Alpha chymotrypsin	1	4,2mg (21microkatals)	Uống	Viên
		2	4,2mg (21microkatals)	Uống	Viên
		3	4,2mg (21microkatals)	Uống	Viên
		4	4,2mg (21microkatals)	Uống	Viên
		5	4,2mg (21microkatals)	Uống	Viên
41	Alpha chymotrypsin	1	8400 IU	Uống	Viên
		2	8400 IU	Uống	Viên
		3	8400 IU	Uống	Viên
		4	8400 IU	Uống	Viên
		5	8400 IU	Uống	Viên

42	Alteplase	1	50mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
		2	50mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
		3	50mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
		4	50mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
		5	50mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
43	Aluminum phosphat	1	20% x 11g	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		2	20% x 11g	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		3	20% x 11g	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		4	20% x 11g	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		5	20% x 11g	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
44	Alverin citrat	1	40mg	Uống	Viên
		2	40mg	Uống	Viên
		3	40mg	Uống	Viên
		4	40mg	Uống	Viên
		5	40mg	Uống	Viên
45	Alverin citrat + Simethicon	1	60mg + 300mg	Uống	Viên nang
		2	60mg + 300mg	Uống	Viên nang
		3	60mg + 300mg	Uống	Viên nang
		4	60mg + 300mg	Uống	Viên nang
		5	60mg + 300mg	Uống	Viên nang
46	Ambroxol	1	30mg/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		2	30mg/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		3	30mg/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		4	30mg/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		5	30mg/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
47	Ambroxol	1	30mg	Uống	Viên
		2	30mg	Uống	Viên
		3	30mg	Uống	Viên

		4	30mg	Uống	Viên
		5	30mg	Uống	Viên
48	Ambroxol	1	15mg/5ml x 100ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		2	15mg/5ml x 100ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		3	15mg/5ml x 100ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		4	15mg/5ml x 100ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		5	15mg/5ml x 100ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
49	Amikacin	1	500mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm
		2	500mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm
		3	500mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm
		4	500mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm
		5	500mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm
50	Amikacin	1	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
51	Aminophylin	1	240mg/5ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm
		2	240mg/5ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm
		3	240mg/5ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm
		4	240mg/5ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm
		5	240mg/5ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm
52	Amiodaron hydroclorid	1	150mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	150mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	150mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	150mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	150mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
53	Amiodaron hydroclorid	1	200mg	Uống	Viên
		2	200mg	Uống	Viên
		3	200mg	Uống	Viên
		4	200mg	Uống	Viên
		5	200mg	Uống	Viên
		1	25mg	Uống	Viên
		2	25mg	Uống	Viên

54	Amitriptylin hydroclorid	3	25mg	Uống	Viên
		4	25mg	Uống	Viên
		5	25mg	Uống	Viên
55	Amitriptylin hydroclorid	1	10mg	Uống	Viên
		2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên
		5	10mg	Uống	Viên
56	Amlodipin	1	10mg	Uống	Viên
		2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên
		5	10mg	Uống	Viên
57	Amlodipin (*)	3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
58	Amlodipin + Atorvastatin	1	5mg + 10mg	Uống	Viên
		2	5mg + 10mg	Uống	Viên
		3	5mg + 10mg	Uống	Viên
		4	5mg + 10mg	Uống	Viên
		5	5mg + 10mg	Uống	Viên
59	Amlodipin + Indapamid	1	5mg + 1,5mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		2	5mg + 1,5mg	Uống	
		3	5mg + 1,5mg	Uống	
		4	5mg + 1,5mg	Uống	
		5	5mg + 1,5mg	Uống	
60	Amlodipin + Indapamid + Perindopril	1	5mg + 1,25mg + 5mg	Uống	Viên
		2	5mg + 1,25mg + 5mg	Uống	Viên
		3	5mg + 1,25mg + 5mg	Uống	Viên
		4	5mg + 1,25mg + 5mg	Uống	Viên
		5	5mg + 1,25mg + 5mg	Uống	Viên
61	Amlodipin + Lisinopril	1	5mg + 10mg	Uống	Viên
		2	5mg + 10mg	Uống	Viên
		3	5mg + 10mg	Uống	Viên
		4	5mg + 10mg	Uống	Viên
		5	5mg + 10mg	Uống	Viên
62	Amlodipine + Losartan	1	5mg + 50mg	Uống	Viên
		2	5mg + 50mg	Uống	Viên
		3	5mg + 50mg	Uống	Viên
		4	5mg + 50mg	Uống	Viên
		5	5mg + 50mg	Uống	Viên
63	Amlodipine + Valsartan	**1**	5mg + 80mg	Uống	Viên nén bao phim
		2	5mg + 80mg	Uống	Viên nén bao phim
		3	5mg + 80mg	Uống	Viên nén bao phim
		4	5mg + 80mg	Uống	Viên nén bao phim
		5	5mg + 80mg	Uống	Viên nén bao phim

64	Amoxicilin + Acid clavulanic	1	1000mg + 200mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1000mg + 200mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1000mg + 200mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1000mg + 200mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1000mg + 200mg	Tiêm	Thuốc tiêm
65	Amoxicilin + Acid clavulanic	1	500mg + 100mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	500mg + 100mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	500mg + 100mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	500mg + 100mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	500mg + 100mg	Tiêm	Thuốc tiêm
66	Amoxicilin + Acid clavulanic	1	500mg + 62,5mg	Uống	Viên
		2	500mg + 62,5mg	Uống	Viên
		3	500mg + 62,5mg	Uống	Viên
		4	500mg + 62,5mg	Uống	Viên
		5	500mg + 62,5mg	Uống	Viên
67	Amoxicilin + Acid clavulanic	1	250mg + 31,25mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	250mg + 31,25mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	250mg + 31,25mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	250mg + 31,25mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	250mg + 31,25mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
68	Amoxicillin	1	500mg	Uống	Viên nang
		2	500mg	Uống	Viên nang
		3	500mg	Uống	Viên nang
		4	500mg	Uống	Viên nang
		5	500mg	Uống	Viên nang
69	Amoxicillin	1	250mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	250mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	250mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	250mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống

		5	250mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
70	Ampicilin (muối natri)	1	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
71	Ampicilin + Sulbactam	1	1g + 0,5g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1g + 0,5g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1g + 0,5g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1g + 0,5g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1g + 0,5g	Tiêm	Thuốc tiêm
72	Ampicilin + Sulbactam	1	2g + 1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	2g + 1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	2g + 1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	2g + 1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	2g + 1g	Tiêm	Thuốc tiêm
73	Anastrozol	1	1mg	Uống	Viên
		2	1mg	Uống	Viên
		3	1mg	Uống	Viên
		4	1mg	Uống	Viên
		5	1mg	Uống	Viên
74	Atenolol	1	50mg	Uống	Viên
		2	50mg	Uống	Viên
		3	50mg	Uống	Viên
		4	50mg	Uống	Viên
		5	50mg	Uống	Viên
75	Atorvastatin (*)	3	20mg	Uống	Viên
		4	20mg	Uống	Viên
		5	20mg	Uống	Viên
76	Atorvastatin + Ezetimibe	1	10mg + 10mg	Uống	Viên
		2	10mg + 10mg	Uống	Viên
		3	10mg + 10mg	Uống	Viên
		4	10mg + 10mg	Uống	Viên
		5	10mg + 10mg	Uống	Viên
77	Atracurium besylat	1	25mg/2,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	25mg/2,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	25mg/2,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	25mg/2,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	25mg/2,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
78	Atropin sulfat	1	0,25mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	0,25mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	0,25mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	0,25mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	0,25mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
79	Azithromycin	1	500mg	Uống	Viên
		2	500mg	Uống	Viên
		3	500mg	Uống	Viên

		4	500mg	Uống	Viên
		5	500mg	Uống	Viên
80	Azithromycin	1	500mg	Uống	Viên nang
		2	500mg	Uống	Viên nang
		3	500mg	Uống	Viên nang
		4	500mg	Uống	Viên nang
		5	500mg	Uống	Viên nang
81	Azithromycin	1	250mg	Uống	viên nang
		2	250mg	Uống	viên nang
		3	250mg	Uống	viên nang
		4	250mg	Uống	viên nang
		5	250mg	Uống	viên nang
82	Bacillus clausii	1	1.10^9 - 2.10^9 CFU	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	1.10^9 - 2.10^9 CFU	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	1.10^9 - 2.10^9 CFU	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	1.10^9 - 2.10^9 CFU	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	1.10^9 - 2.10^9 CFU	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
83	Bacillus clausii	1	1.10^9 - 2.10^9 CFU	Uống	Viên nang
		2	1.10^9 - 2.10^9 CFU	Uống	Viên nang
		3	1.10^9 - 2.10^9 CFU	Uống	Viên nang
		4	1.10^9 - 2.10^9 CFU	Uống	Viên nang
		5	1.10^9 - 2.10^9 CFU	Uống	Viên nang
84	Bacillus subtilis	1	≥ 10^8 CFU	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	≥ 10^8 CFU	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	≥ 10^8 CFU	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	≥ 10^8 CFU	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	≥ 10^8 CFU	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
85	Bambuterol	1	10mg	Uống	Viên
		2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên
		5	10mg	Uống	Viên
86	Bambuterol	1	20mg	Uống	Viên
		2	20mg	Uống	Viên
		3	20mg	Uống	Viên
		4	20mg	Uống	Viên
		5	20mg	Uống	Viên
87	Beclometason dipropionat	1	50mcg/liều xịt x 150 liều	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi
		2	50mcg/liều xịt x 150 liều	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi
		3	50mcg/liều xịt x 150 liều	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi
		4	50mcg/liều xịt x 150 liều	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi
		5	50mcg/liều xịt x 150 liều	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi

88	Beclometason dipropionate	1	0,012gliều (tương x 50mcg) đương 200	Xịt họng	Thuốcmù hít định liều liều/ phun
		2	0,012gliều (tương x 50mcg) đương 200	Xịt họng	Thuốcmù hít định liều liều/ phun
		3	0,012gliều (tương x 50mcg) đương 200	Xịt họng	Thuốcmù hít định liều liều/ phun
		4	0,012gliều (tương x 50mcg) đương 200	Xịt họng	Thuốcmù hít định liều liều/ phun
		5	0,012gliều (tương x 50mcg) đương 200	Xịt họng	Thuốcmù hít định liều liều/ phun
89	Beclometason dipropionate	1	0,024g liều (tương x 100mcg) đương 200	Xịt họng	Thuốcmù hít định liều liều/ phun
		2	0,024g liều (tương x 100mcg) đương 200	Xịt họng	Thuốcmù hít định liều liều/ phun
		3	0,024g liều (tương x 100mcg) đương 200	Xịt họng	Thuốcmù hít định liều liều/ phun
		4	0,024g liều (tương x 100mcg) đương 200	Xịt họng	Thuốcmù hít định liều liều/ phun
		5	0,024g liều (tương x 100mcg) đương 200	Xịt họng	Thuốcmù hít định liều liều/ phun
90	Berberin hydroclorid	1	100mg	Uống	Viên nang
		2	100mg	Uống	Viên nang
		3	100mg	Uống	Viên nang
		4	100mg	Uống	Viên nang
		5	100mg	Uống	Viên nang
91	Betahistin	1	24mg	Uống	Viên
		2	24mg	Uống	Viên
		3	24mg	Uống	Viên
		4	24mg	Uống	Viên
		5	24mg	Uống	Viên
92	Betahistin dihydrochlorid	1	16mg	Uống	Viên
		2	16mg	Uống	Viên
		3	16mg	Uống	Viên
		4	16mg	Uống	Viên
		5	16mg	Uống	Viên
93	Betamethason dipropionat	1	0,064% x 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	0,064% x 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	0,064% x 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	0,064% x 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	0,064% x 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
94	Betamethason dipropionat +	1	(0,064% + 3%)/15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	(0,064% + 3%)/15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài

94	Salicylic acid	3	(0,064% + 3%)/15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	(0,064% + 3%)/15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
95	Bevacizumab	1	100mg/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	100mg/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	100mg/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	100mg/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	100mg/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm
96	Bezafibrat	1	200mg	Uống	Viên
		2	200mg	Uống	Viên
		3	200mg	Uống	Viên
		4	200mg	Uống	Viên
		5	200mg	Uống	Viên
97	Bisacodyl	1	5mg	Uống	Viên
		2	5mg	Uống	Viên
		3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
98	Bismuth	1	300mg	Uống	Viên
		2	300mg	Uống	Viên
		3	300mg	Uống	Viên
		4	300mg	Uống	Viên
		5	300mg	Uống	Viên
99	Bisoprolol	1	2,5mg	Uống	Viên
		2	2,5mg	Uống	Viên
		3	2,5mg	Uống	Viên
		4	2,5mg	Uống	Viên
		5	2,5mg	Uống	Viên
100	Bisoprolol (*)	3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
101	Bisoprolol + Hydroclorothiazid	1	5mg + 12,5mg	Uống	Viên
		2	5mg + 12,5mg	Uống	Viên
		3	5mg + 12,5mg	Uống	Viên
		4	5mg + 12,5mg	Uống	Viên
		5	5mg + 12,5mg	Uống	Viên
102	Bisoprolol + Hydroclorothiazid	1	5mg + 6,25mg	Uống	Viên
		2	5mg + 6,25mg	Uống	Viên
		3	5mg + 6,25mg	Uống	Viên
		4	5mg + 6,25mg	Uống	Viên
		5	5mg + 6,25mg	Uống	Viên
103	Bisoprolol + Hydroclorothiazid	1	2,5mg + 6,25mg	Uống	Viên
		2	2,5mg + 6,25mg	Uống	Viên
		3	2,5mg + 6,25mg	Uống	Viên
		4	2,5mg + 6,25mg	Uống	Viên
		5	2,5mg + 6,25mg	Uống	Viên

104	Brinzolamid	1	1% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	1% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	1% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	1% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	1% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
105	Bromhexin hydroclorid	1	16mg	Uống	Viên
		2	16mg	Uống	Viên
		3	16mg	Uống	Viên
		4	16mg	Uống	Viên
		5	16mg	Uống	Viên
106	Bromhexin hydroclorid	1	8mg	Uống	Viên
		2	8mg	Uống	Viên
		3	8mg	Uống	Viên
		4	8mg	Uống	Viên
		5	8mg	Uống	Viên
107	Bromhexin hydroclorid	1	8mg/5ml x 5ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		2	8mg/5ml x 5ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		3	8mg/5ml x 5ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		4	8mg/5ml x 5ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		5	8mg/5ml x 5ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
108	Budesonid	1	0,5mg/ml	Khí dung	Dung dịch/hỗn dịch khí dung
		2	0,5mg/ml	Khí dung	Dung dịch/hỗn dịch khí dung
		3	0,5mg/ml	Khí dung	Dung dịch/hỗn dịch khí dung
		4	0,5mg/ml	Khí dung	Dung dịch/hỗn dịch khí dung
		5	0,5mg/ml	Khí dung	Dung dịch/hỗn dịch khí dung
		1	64mcg/liều xịt x 120liều	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi

109	Budesonid	2	64mcg/liều xịt x 120liều	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi
		3	64mcg/liều xịt x 120liều	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi
		4	64mcg/liều xịt x 120liều	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi
		5	64mcg/liều xịt x 120liều	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi
110	Budesonid + Formoterol	1	200mcg + 6mcg	Dạng hít	Thuốc hít định liều/Phun mù định liều
		2	200mcg + 6mcg	Dạng hít	Thuốc hít định liều/Phun mù định liều
		3	200mcg + 6mcg	Dạng hít	Thuốc hít định liều/Phun mù định liều
		4	200mcg + 6mcg	Dạng hít	Thuốc hít định liều/Phun mù định liều
		5	200mcg + 6mcg	Dạng hít	Thuốc hít định liều/Phun mù định liều
111	Bupivacain hydroclorid	1	0,5% x 20ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	0,5% x 20ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	0,5% x 20ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	0,5% x 20ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	0,5% x 20ml	Tiêm	Thuốc tiêm
112	Bupivacain hydroclorid	1	0,5% x 4ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	0,5% x 4ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	0,5% x 4ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	0,5% x 4ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	0,5% x 4ml	Tiêm	Thuốc tiêm
113	Cafein (citrat)	1	30mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	30mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	30mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	30mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	30mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
114	Calci acetat	1	667 mg	Uống	Viên
		2	667 mg	Uống	Viên
		3	667 mg	Uống	Viên
		4	667 mg	Uống	Viên
		5	667 mg	Uống	Viên

115	Calci carbonat + Calci gluconolactat	1	0,15g + 1,47g	Uống	Viên
		2	0,15g + 1,47g	Uống	Viên
		3	0,15g + 1,47g	Uống	Viên
		4	0,15g + 1,47g	Uống	Viên
		5	0,15g + 1,47g	Uống	Viên
116	Calci carbonat + Vitamin D3	1	750mg + 200IU	Uống	Viên
		2	750mg + 200IU	Uống	Viên
		3	750mg + 200IU	Uống	Viên
		4	750mg + 200IU	Uống	Viên
		5	750mg + 200IU	Uống	Viên
117	Calci carbonat + Vitamin D3	1	1250mg + 440IU	Uống	Viên sủi
		2	1250mg + 440IU	Uống	Viên sủi
		3	1250mg + 440IU	Uống	Viên sủi
		4	1250mg + 440IU	Uống	Viên sủi
		5	1250mg + 440IU	Uống	Viên sủi
118	Calci clorid	1	10% x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	10% x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	10% x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	10% x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	10% x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
119	Calci lactat	1	300mg	Uống	Viên
		2	300mg	Uống	Viên
		3	300mg	Uống	Viên
		4	300mg	Uống	Viên
		5	300mg	Uống	Viên
120	Calci lactat	1	500mg/10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		2	500mg/10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		3	500mg/10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		4	500mg/10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		5	500mg/10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
121	Calci lactat	1	500mg/10ml x 100ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		2	500mg/10ml x 100ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		3	500mg/10ml x 100ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống

		4	500mg/10ml x 100ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		5	500mg/10ml x 100ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
122	Calcipotriol	1	0,75mg/15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	0,75mg/15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	0,75mg/15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	0,75mg/15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	0,75mg/15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
123	Calcipotriol + Betamethason dipropionat	1	(0,75mg + 7,5mg) x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	(0,75mg + 7,5mg) x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	(0,75mg + 7,5mg) x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	(0,75mg + 7,5mg) x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	(0,75mg + 7,5mg) x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
124	Calcitriol	1	0,25mcg	Uống	Viên nang mềm
		2	0,25mcg	Uống	Viên nang mềm
		3	0,25mcg	Uống	Viên nang mềm
		4	0,25mcg	Uống	Viên nang mềm
		5	0,25mcg	Uống	Viên nang mềm
125	Calcitriol	1	0,25mcg	Uống	Viên
		2	0,25mcg	Uống	Viên
		3	0,25mcg	Uống	Viên
		4	0,25mcg	Uống	Viên
		5	0,25mcg	Uống	Viên
126	Calcitriol	1	0,5mcg	Uống	Viên nang
		2	0,5mcg	Uống	Viên nang
		3	0,5mcg	Uống	Viên nang
		4	0,5mcg	Uống	Viên nang
		5	0,5mcg	Uống	Viên nang
127	Candesartan	1	16mg	Uống	Viên
		2	16mg	Uống	Viên
		3	16mg	Uống	Viên
		4	16mg	Uống	Viên
		5	16mg	Uống	Viên
128	Candesartan	1	8mg	Uống	Viên
		2	8mg	Uống	Viên
		3	8mg	Uống	Viên
		4	8mg	Uống	Viên
		5	8mg	Uống	Viên
	Candesartan +	1	16mg + 12,5mg	Uống	Viên
		2	16mg + 12,5mg	Uống	Viên

129	Candesartan + Hydroclorothiazid	3	16mg + 12,5mg	Uống	Viên
		4	16mg + 12,5mg	Uống	Viên
		5	16mg + 12,5mg	Uống	Viên
130	Candesartan + Hydroclorothiazid	1	8mg + 12,5mg	Uống	Viên
		2	8mg + 12,5mg	Uống	Viên
		3	8mg + 12,5mg	Uống	Viên
		4	8mg + 12,5mg	Uống	Viên
		5	8mg + 12,5mg	Uống	Viên
131	Cao ginkgo biloba + Heptaminol clohydrat + Troxerutin	1	7mg + 150mg + 150mg	Uống	Viên
		2	7mg + 150mg + 150mg	Uống	Viên
		3	7mg + 150mg + 150mg	Uống	Viên
		4	7mg + 150mg + 150mg	Uống	Viên
		5	7mg + 150mg + 150mg	Uống	Viên
132	Capecitabin (*)	3	500mg	Uống	Viên
		4	500mg	Uống	Viên
		5	500mg	Uống	Viên
133	Capsaicin	1	0,05g/100g x 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	0,05g/100g x 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	0,05g/100g x 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	0,05g/100g x 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	0,05g/100g x 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
134	Captopril	1	25mg	Uống	Viên
		2	25mg	Uống	Viên
		3	25mg	Uống	Viên
		4	25mg	Uống	Viên
		5	25mg	Uống	Viên
135	Captopril + Hydroclorothiazid	1	50mg + 25mg	Uống	Viên
		2	50mg + 25mg	Uống	Viên
		3	50mg + 25mg	Uống	Viên
		4	50mg + 25mg	Uống	Viên
		5	50mg + 25mg	Uống	Viên
136	Carbamazepin	1	200mg	Uống	Viên
		2	200mg	Uống	Viên
		3	200mg	Uống	Viên
		4	200mg	Uống	Viên
		5	200mg	Uống	Viên
137	Carbetocin	1	100mcg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	100mcg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	100mcg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	100mcg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	100mcg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
138	Carbimazol	1	5mg	Uống	Viên
		2	5mg	Uống	Viên
		3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
		1	500mg	Uống	Viên

139	Carbocistein	2	500mg	Uống	Viên
		3	500mg	Uống	Viên
		4	500mg	Uống	Viên
		5	500mg	Uống	Viên
140	Carbocistein	1	500mg/10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		2	500mg/10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		3	500mg/10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		4	500mg/10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		5	500mg/10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
141	Carbocistein	1	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
142	Carboplatin	1	150mg/15ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	150mg/15ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	150mg/15ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	150mg/15ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	150mg/15ml	Tiêm	Thuốc tiêm
143	Carvedilol	1	6,25mg	Uống	Viên
		2	6,25mg	Uống	Viên
		3	6,25mg	Uống	Viên
		4	6,25mg	Uống	Viên
		5	6,25mg	Uống	Viên
144	Carvedilol	1	12,5mg	Uống	Viên
		2	12,5mg	Uống	Viên
		3	12,5mg	Uống	Viên
		4	12,5mg	Uống	Viên
		5	12,5mg	Uống	Viên
		1	125mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	125mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống

145	Cefaclor	3	125mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	125mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	125mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
146	Cefaclor	4	375 mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		2	375 mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		3	375 mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		4	375 mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		5	375 mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
147	Cefaclor	1	500mg	Uống	Viên nang
		2	500mg	Uống	Viên nang
		3	500mg	Uống	Viên nang
		4	500mg	Uống	Viên nang
		5	500mg	Uống	Viên nang
148	Cefadroxil	1	250mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	250mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	250mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	250mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	250mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
149	Cefalexin (*)	3	500mg	Uống	Viên nang
		4	500mg	Uống	Viên nang
		5	500mg	Uống	Viên nang
150	Cefalexin	1	250mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	250mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	250mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	250mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	250mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
151	Cefalexin	1	1g	Uống	Viên
		2	1g	Uống	Viên
		3	1g	Uống	Viên
		4	1g	Uống	Viên
		5	1g	Uống	Viên
		1	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1g	Tiêm	Thuốc tiêm

152	Cefamandol	3	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
153	Cefamandol	1	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
154	Cefazolin	**1**	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
155	Cefazolin (*)	3	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
156	Cefdinir	1	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
157	Cefixim	1	50mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	50mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	50mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	50mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	50mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
158	Cefixim	1	200mg	Uống	Viên
		2	200mg	Uống	Viên
		3	200mg	Uống	Viên
		4	200mg	Uống	Viên
		5	200mg	Uống	Viên
159	Cefixim	1	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống

		4	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
160	Cefoperazon	1	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
161	Cefoperazon + Sulbactam	1	1g + 1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1g + 1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1g + 1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1g + 1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1g + 1g	Tiêm	Thuốc tiêm
162	Cefoperazon + Sulbactam	1	1g + 0,5g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1g + 0,5g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1g + 0,5g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1g + 0,5g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1g + 0,5g	Tiêm	Thuốc tiêm
163	Cefotiam	1	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
164	Cefotiam	1	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
165	Cefoxitin	1	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
166	Cefoxitin	1	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		1	0,5g	Tiêm	Thuốc tiêm

167	Cefoxitin	2	0,5g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	0,5g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	0,5g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	0,5g	Tiêm	Thuốc tiêm
168	Cefpodoxim	1	100mg	Uống	Viên
		2	100mg	Uống	Viên
		3	100mg	Uống	Viên
		4	100mg	Uống	Viên
		5	100mg	Uống	Viên
169	Cefpodoxim	1	200mg	Uống	Viên nang
		2	200mg	Uống	Viên nang
		3	200mg	Uống	Viên nang
		4	200mg	Uống	Viên nang
		5	200mg	Uống	Viên nang
170	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil)	1	50mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	50mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	50mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	50mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	50mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
171	Cefradin	1	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
172	Cefradin	1	125mg/5ml x 60ml	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	125mg/5ml x 60ml	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	125mg/5ml x 60ml	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	125mg/5ml x 60ml	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	125mg/5ml x 60ml	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
173	Ceftazidim (*)	3	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
174	Ceftazidim	1	3g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	3g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	3g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	3g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	3g	Tiêm	Thuốc tiêm

175	Ceftizoxim	1	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
176	Ceftizoxim	1	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
177	Ceftriaxon	1	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
178	Cefuroxim	1	125mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	125mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	125mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	125mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	125mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
179	Cefuroxim	1	250mg	Uống	Viên
		2	250mg	Uống	Viên
		3	250mg	Uống	Viên
		4	250mg	Uống	Viên
		5	250mg	Uống	Viên
180	Cefuroxim	1	500mg	Uống	Viên
		2	500mg	Uống	Viên
		3	500mg	Uống	Viên
		4	500mg	Uống	Viên
		5	500mg	Uống	Viên
181	Cefuroxim	1	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1g	Tiêm	Thuốc tiêm

		4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
182	Celecoxib	1	200mg	Uống	Viên nang
		2	200mg	Uống	Viên nang
		3	200mg	Uống	Viên nang
		4	200mg	Uống	Viên nang
		5	200mg	Uống	Viên nang
183	Cetirizin	1	10mg	Uống	Viên
		2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên
		5	10mg	Uống	Viên
184	Cetirizin	1	20mg	Uống	Viên
		2	20mg	Uống	Viên
		3	20mg	Uống	Viên
		4	20mg	Uống	Viên
		5	20mg	Uống	Viên
185	Ciclosporin	1	25mg	Uống	Viên
		2	25mg	Uống	Viên
		3	25mg	Uống	Viên
		4	25mg	Uống	Viên
		5	25mg	Uống	Viên
186	Cilnidipin	1	5mg	Uống	Viên
		2	5mg	Uống	Viên
		3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
187	Cilostazol	1	50mg	Uống	Viên
		2	50mg	Uống	Viên
		3	50mg	Uống	Viên
		4	50mg	Uống	Viên
		5	50mg	Uống	Viên
188	Cinnarizin	1	25mg	Uống	Viên
		2	25mg	Uống	Viên
		3	25mg	Uống	Viên
		4	25mg	Uống	Viên
		5	25mg	Uống	Viên
189	Ciprofloxacin	1	0,25ml	Nhỏ tai	Thuốc nhỏ tai
		2	0,25ml	Nhỏ tai	Thuốc nhỏ tai
		3	0,25ml	Nhỏ tai	Thuốc nhỏ tai
		4	0,25ml	Nhỏ tai	Thuốc nhỏ tai
		5	0,25ml	Nhỏ tai	Thuốc nhỏ tai
190	Ciprofloxacin	1	500mg	Uống	Viên
		2	500mg	Uống	Viên
		3	500mg	Uống	Viên
		4	500mg	Uống	Viên
		5	500mg	Uống	Viên
191	Ciprofloxacin	1	400mg/200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	400mg/200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	400mg/200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền

		4	400mg/200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	400mg/200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
192	Ciprofloxacin	1	0,3% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	0,3% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	0,3% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	0,3% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	0,3% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
193	Cisplatin	1	10mg/20ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	10mg/20ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	10mg/20ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	10mg/20ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	10mg/20ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
194	Clarithromycin (*)	3	500mg	Uống	Viên
		4	500mg	Uống	Viên
		5	500mg	Uống	Viên
195	Clindamycin	1	300mg	Uống	Viên nang
		2	300mg	Uống	Viên nang
		3	300mg	Uống	Viên nang
		4	300mg	Uống	Viên nang
		5	300mg	Uống	Viên nang
196	Clobetasol propionat	1	5mg/10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	5mg/10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	5mg/10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	5mg/10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	5mg/10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
197	Clobetasol propionat	1	0,05% x 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	0,05% x 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	0,05% x 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	0,05% x 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	0,05% x 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
198	Clopidogrel (*)	3	75mg	Uống	Viên
		4	75mg	Uống	Viên
		5	75mg	Uống	Viên
199	Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel	1	75mg + 75mg	Uống	Viên
		2	75mg + 75mg	Uống	Viên
		3	75mg + 75mg	Uống	Viên

	bisulfat) + Aspirin	4	75mg + 75mg	Uống	Viên
		5	75mg + 75mg	Uống	Viên
200	Clorpromazin hydroclorid	1	25mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	25mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	25mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	25mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	25mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
201	Clorpromazin hydroclorid	1	25mg	Uống	Viên
		2	25mg	Uống	Viên
		3	25mg	Uống	Viên
		4	25mg	Uống	Viên
		5	25mg	Uống	Viên
202	Clotrimazol	1	100mg	Đặt âm đạo	Viên
		2	100mg	Đặt âm đạo	Viên
		3	100mg	Đặt âm đạo	Viên
		4	100mg	Đặt âm đạo	Viên
		5	100mg	Đặt âm đạo	Viên
203	Clotrimazol	1	1% x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	1% x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	1% x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	1% x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	1% x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
204	Clotrimazol + Betamethason dipropionat	1	100mg + 6,4mg	Bôi ngoài da	Thuốc dùng ngoài
		2	100mg + 6,4mg	Bôi ngoài da	Thuốc dùng ngoài
		3	100mg + 6,4mg	Bôi ngoài da	Thuốc dùng ngoài
		4	100mg + 6,4mg	Bôi ngoài da	Thuốc dùng ngoài
		5	100mg + 6,4mg	Bôi ngoài da	Thuốc dùng ngoài
205	Cloxacilin (dưới dạng Cloxacilin natri)	1	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		1	10mg + 100mg	Uống	Viên nang mềm

206	Codein + Terpin hydrat	2	10mg + 100mg	Uống	Viên nang mềm
		3	10mg + 100mg	Uống	Viên nang mềm
		4	10mg + 100mg	Uống	Viên nang mềm
		5	10mg + 100mg	Uống	Viên nang mềm
207	Colchicin	1	1mg	Uống	Viên
		2	1mg	Uống	Viên
		3	1mg	Uống	Viên
		4	1mg	Uống	Viên
		5	1mg	Uống	Viên
208	Colchicin	1	1mg	Uống	Viên nang
		2	1mg	Uống	Viên nang
		3	1mg	Uống	Viên nang
		4	1mg	Uống	Viên nang
		5	1mg	Uống	Viên nang
209	Colistin	1	1.000.000 IU	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1.000.000 IU	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1.000.000 IU	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1.000.000 IU	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1.000.000 IU	Tiêm	Thuốc tiêm
210	Cồn BSI	1	20ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	20ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	20ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	20ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	20ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
211	Crotamiton	1	10% x 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	10% x 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	10% x 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	10% x 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	10% x 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
212	Cyclophosphamid	1	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm

		5	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm
213	Cyclophosphamide	1	200mg	Tiêm	Bột pha tiêm
		2	200mg	Tiêm	Bột pha tiêm
		3	200mg	Tiêm	Bột pha tiêm
		4	200mg	Tiêm	Bột pha tiêm
		5	200mg	Tiêm	Bột pha tiêm
214	Cytidin-5monopho sphat disodium + Uridin	1	5mg + 3mg	Uống	Viên
		2	5mg + 3mg	Uống	Viên
		3	5mg + 3mg	Uống	Viên
		4	5mg + 3mg	Uống	Viên
		5	5mg + 3mg	Uống	Viên
215	Chlorpheniramin (hydrogen maleat)	1	4mg	Uống	Viên
		2	4mg	Uống	Viên
		3	4mg	Uống	Viên
		4	4mg	Uống	Viên
		5	4mg	Uống	Viên
216	Dabigatran etexilat	1	110mg	Uống	Viên nang
		2	110mg	Uống	Viên nang
		3	110mg	Uống	Viên nang
		4	110mg	Uống	Viên nang
		5	110mg	Uống	Viên nang
217	Danazol	1	100mg	Uống	Viên nang
		2	100mg	Uống	Viên nang
		3	100mg	Uống	Viên nang
		4	100mg	Uống	Viên nang
		5	100mg	Uống	Viên nang
218	Dapagliflozin	1	10mg	Uống	Viên
		2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên
		5	10mg	Uống	Viên
219	Deferoxamin	1	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm
220	Desloratadin	1	5mg	Uống	Viên
		2	5mg	Uống	Viên
		3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
221	Desmopressin	1	100mcg	Uống	Viên
		2	100mcg	Uống	Viên
		3	100mcg	Uống	Viên
		4	100mcg	Uống	Viên
		5	100mcg	Uống	Viên
		1	0,5mg	Uống	Viên

222	Dexamethason	2	0,5mg	Uống	Viên
		3	0,5mg	Uống	Viên
		4	0,5mg	Uống	Viên
		5	0,5mg	Uống	Viên
223	Dexamethason	1	4mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	4mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	4mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	4mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	4mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
224	Dexchlorpheniramin maleat	1	2mg/5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		2	2mg/5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		3	2mg/5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		4	2mg/5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		5	2mg/5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
225	Dexibuprofen	1	400mg	Uống	Viên
		2	400mg	Uống	Viên
		3	400mg	Uống	Viên
		4	400mg	Uống	Viên
		5	400mg	Uống	Viên
226	Dexpanthenol	1	5% x 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	5% x 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	5% x 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	5% x 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	5% x 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
227	Dextran 40, Sodium chloride	1	Mỗi 100ml chứa Sodium chloride 0,9g, Dextran 40 10g, nước cất vừa đủ 100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	Mỗi 100ml chứa Sodium chloride 0,9g, Dextran 40 10g, nước cất vừa đủ 100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	Mỗi 100ml chứa Sodium chloride 0,9g, Dextran 40 10g, nước cất vừa đủ 100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	Mỗi 100ml chứa Sodium chloride 0,9g, Dextran 40 10g, nước cất vừa đủ 100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền

		5	Mỗi 100ml chứa Sodium chloride 0,9g, Dextran 40 10g, nước cất vừa đủ 100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
228	Dextromethorphan	1	15mg	Uống	Viên
		2	15mg	Uống	Viên
		3	15mg	Uống	Viên
		4	15mg	Uống	Viên
		5	15mg	Uống	Viên
229	Diazepam	1	5mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	5mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	5mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	5mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	5mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
230	Diazepam	1	5mg	Uống	Viên
		2	5mg	Uống	Viên
		3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
231	Diclofenac	1	75mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	75mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	75mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	75mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	75mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
232	Diclofenac	1	1% x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	1% x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	1% x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	1% x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	1% x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
233	Diclofenac	1	1g/100g x 50g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	1g/100g x 50g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	1g/100g x 50g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	1g/100g x 50g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	1g/100g x 50g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
234	Diclofenac	1	75mg	Uống	Viên
		2	75mg	Uống	Viên
		3	75mg	Uống	Viên
		4	75mg	Uống	Viên
		5	75mg	Uống	Viên
		1	100mg	Đặt hậu môn	Viên
		2	100mg	Đặt hậu môn	Viên

235	Diclofenac natri	3	100mg	Đặt hậu môn	Viên
		4	100mg	Đặt hậu môn	Viên
		5	100mg	Đặt hậu môn	Viên
236	Digoxin	1	0,25mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	0,25mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	0,25mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	0,25mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	0,25mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
237	Digoxin	1	0,25mg	Uống	Viên
		2	0,25mg	Uống	Viên
		3	0,25mg	Uống	Viên
		4	0,25mg	Uống	Viên
		5	0,25mg	Uống	Viên
238	Dihydro ergotamin mesylat	1	3mg	Uống	Viên
		2	3mg	Uống	Viên
		3	3mg	Uống	Viên
		4	3mg	Uống	Viên
		5	3mg	Uống	Viên
239	Diltiazem	1	60mg	Uống	Viên
		2	60mg	Uống	Viên
		3	60mg	Uống	Viên
		4	60mg	Uống	Viên
		5	60mg	Uống	Viên
240	Dioctahedral smectit	1	3g/20ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		2	3g/20ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		3	3g/20ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		4	3g/20ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		5	3g/20ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
241	Diosmectit	1	3g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	3g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	3g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	3g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	3g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		1	450mg + 50mg	Uống	Viên
		2	450mg + 50mg	Uống	Viên

242	Diosmin + Hesperidin	3	450mg + 50mg	Uống	Viên
		4	450mg + 50mg	Uống	Viên
		5	450mg + 50mg	Uống	Viên
243	Diosmin + Hesperidin	1	900mg + 100mg	Uống	Viên
		2	900mg + 100mg	Uống	Viên
		3	900mg + 100mg	Uống	Viên
		4	900mg + 100mg	Uống	Viên
		5	900mg + 100mg	Uống	Viên
244	Diphenhydramin	1	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm
245	Dobutamin	1	250mg - 20ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	250mg - 20ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	250mg - 20ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	250mg - 20ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	250mg - 20ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
246	Dobutamin	1	250mg/5ml	Tiêm/Truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	250mg/5ml	Tiêm/Truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	250mg/5ml	Tiêm/Truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	250mg/5ml	Tiêm/Truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	250mg/5ml	Tiêm/Truyền	Thuốc tiêm truyền
247	Docetaxel	1	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm
248	Domperidon	1	10mg	Uống	Viên
		2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên
		5	10mg	Uống	Viên
249	Dopamin hydroclorid	1	40mg/ml x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	40mg/ml x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	40mg/ml x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	40mg/ml x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	40mg/ml x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		1	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm

250	Doripenem	3	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm
251	Doxazosin	1	2mg	Uống	Viên
		2	2mg	Uống	Viên
		3	2mg	Uống	Viên
		4	2mg	Uống	Viên
		5	2mg	Uống	Viên
252	Doxorubicin	1	50mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	50mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	50mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	50mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	50mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
253	Doxycyclin	1	100mg	Uống	Viên nang
		2	100mg	Uống	Viên nang
		3	100mg	Uống	Viên nang
		4	100mg	Uống	Viên nang
		5	100mg	Uống	Viên nang
253	Drotaverin clohydrat	1	40mg	Uống	Viên
		2	40mg	Uống	Viên
		3	40mg	Uống	Viên
		4	40mg	Uống	Viên
		5	40mg	Uống	Viên
255	Drotaverin clohydrat	1	80mg	Uống	Viên
		2	80mg	Uống	Viên
		3	80mg	Uống	Viên
		4	80mg	Uống	Viên
		5	80mg	Uống	Viên
256	Drotaverin clohydrat	1	40mg x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	40mg x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	40mg x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	40mg x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	40mg x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		1	Mỗi 1000ml chứa: Natri clorid 30,5g; Natri hydrocarbonat 66g	Thẩm phân	Dung dịch thẩm phân
		2	Mỗi 1000ml chứa: Natri clorid 30,5g; Natri hydrocarbonat 66g	Thẩm phân	Dung dịch thẩm phân

257	Dung dịch lọc máu dùng trong thận nhân tạo	3	Mỗi 1000ml chứa: Natri clorid 30,5g; Natri hydrocarbonat 66g	Thẩm phân	Dung dịch thẩm phân
		4	Mỗi 1000ml chứa: Natri clorid 30,5g; Natri hydrocarbonat 66g	Thẩm phân	Dung dịch thẩm phân
		5	Mỗi 1000ml chứa: Natri clorid 30,5g; Natri hydrocarbonat 66g	Thẩm phân	Dung dịch thẩm phân
258	Dung dịch lọc máu dùng trong thận nhân tạo	1	Mỗi lít dung dịch chứa: Natri clorid 161g; Kali clorid 5,5g; Magnesi clorid. 6H2O 3,7g; Acid acetic 8,8g; Calci clorid. 2H2O 9,7g	Thẩm phân	Dung dịch thẩm phân
		2	Mỗi lít dung dịch chứa: Natri clorid 161g; Kali clorid 5,5g; Magnesi clorid. 6H2O 3,7g; Acid acetic 8,8g; Calci clorid. 2H2O 9,7g	Thẩm phân	Dung dịch thẩm phân
		3	Mỗi lít dung dịch chứa: Natri clorid 161g; Kali clorid 5,5g; Magnesi clorid. 6H2O 3,7g; Acid acetic 8,8g; Calci clorid. 2H2O 9,7g	Thẩm phân	Dung dịch thẩm phân
		4	Mỗi lít dung dịch chứa: Natri clorid 161g; Kali clorid 5,5g; Magnesi clorid. 6H2O 3,7g; Acid acetic 8,8g; Calci clorid. 2H2O 9,7g	Thẩm phân	Dung dịch thẩm phân
		5	Mỗi lít dung dịch chứa: Natri clorid 161g; Kali clorid 5,5g; Magnesi clorid. 6H2O 3,7g; Acid acetic 8,8g; Calci clorid. 2H2O 9,7g	Thẩm phân	Dung dịch thẩm phân
		1	555ml dung dịch điện giải chứa: Natri clorid 2,34g; Calci clorid dihydrat 1,1g; Magnesi clorid hexahydrat 0,51g; Glucose anhydrous (dưới dạng glucose monohydrat) 5,0g; Acid hydrocloric 25% 0,73g-2,19g	Tiêm truyền	Dịch lọc máu và thẩm tách máu

258	Dung dịch lọc máu liên tục (có hoặc không có chống đông bằng citrat; có hoặc không có chứa lactat)	2	555ml dung dịch điện giải chứa: Natri clorid 2,34g; Calci clorid dihydrat 1,1g; Magnesi clorid hexahydrat 0,51g; Glucose anhydrous (dưới dạng glucose monohydrat) 5,0g; Acid hydrocloric 25% 0,73g-2,19g	Tiêm truyền	Dịch lọc máu và thẩm tách máu
		3	555ml dung dịch điện giải chứa: Natri clorid 2,34g; Calci clorid dihydrat 1,1g; Magnesi clorid hexahydrat 0,51g; Glucose anhydrous (dưới dạng glucose monohydrat) 5,0g; Acid hydrocloric 25% 0,73g-2,19g	Tiêm truyền	Dịch lọc máu và thẩm tách máu
		4	555ml dung dịch điện giải chứa: Natri clorid 2,34g; Calci clorid dihydrat 1,1g; Magnesi clorid hexahydrat 0,51g; Glucose anhydrous (dưới dạng glucose monohydrat) 5,0g; Acid hydrocloric 25% 0,73g-2,19g	Tiêm truyền	Dịch lọc máu và thẩm tách máu
		5	555ml dung dịch điện giải chứa: Natri clorid 2,34g; Calci clorid dihydrat 1,1g; Magnesi clorid hexahydrat 0,51g; Glucose anhydrous (dưới dạng glucose monohydrat) 5,0g; Acid hydrocloric 25% 0,73g-2,19g	Tiêm truyền	Dịch lọc máu và thẩm tách máu

260	Dung dịch lọc máu liên tục (có hoặc không có chống đông bằng citrat; có hoặc không có chứa lactat)	1	Khoang A: Mỗi 1000ml chứa Calcium clorid dihydrat 5,145g; Magnesium clorid hexahydrat 2,033g; Acid lactic 5,4g; Khoang B: Mỗi 1000ml chứa Sodium chlorid 6,45g; Sodium hydrogen carbonat 3,09g. Dung dịch sau khi phối hợp khoang A và khoang B chứa: Calcium 1,75mm ol/l; Magnesi um 0,5mmol /l; Sodium 140mmo l/l; Chlorid 109,5m mol/l; Lactat 3mmol/l; Hydrogen carbonat 32mmol/l	Tiêm truyền	Dịch lọc máu và thẩm tách máu
		2	Khoang A: Mỗi 1000ml chứa Calcium clorid dihydrat 5,145g; Magnesium clorid hexahydrat 2,033g; Acid lactic 5,4g; Khoang B: Mỗi 1000ml chứa Sodium chlorid 6,45g; Sodium hydrogen carbonat 3,09g. Dung dịch sau khi phối hợp khoang A và khoang B chứa: Calcium 1,75mm ol/l; Magnesi um 0,5mmol /l; Sodium 140mmo l/l; Chlorid 109,5m mol/l; Lactat 3mmol/l; Hydrogen carbonat 32mmol/l	Tiêm truyền	Dịch lọc máu và thẩm tách máu
		3	Khoang A: Mỗi 1000ml chứa Calcium clorid dihydrat 5,145g; Magnesium clorid hexahydrat 2,033g; Acid lactic 5,4g; Khoang B: Mỗi 1000ml chứa Sodium chlorid 6,45g; Sodium hydrogen carbonat 3,09g. Dung dịch sau khi phối hợp khoang A và khoang B chứa: Calcium 1,75mm ol/l; Magnesi um 0,5mmol /l; Sodium 140mmo l/l; Chlorid 109,5m mol/l; Lactat 3mmol/l; Hydrogen carbonat 32mmol/l	Tiêm truyền	Dịch lọc máu và thẩm tách máu

		4	Khoang A: Mỗi 1000ml chứa Calcium clorid dihydrat 5,145g; Magnesium clorid hexahydrat 2,033g; Acid lactic 5,4g; Khoang B: Mỗi 1000ml chứa Sodium chlorid 6,45g; Sodium hydrogen carbonat 3,09g. Dung dịch sau khi phối hợp khoang A và khoang B chứa: Calcium 1,75mm ol/l; Magnesi um 0,5mmol /l; Sodium 140mmo l/l; Chlorid 109,5m mol/l; Lactat 3mmol/l; Hydrogen carbonat 32mmol/l	Tiêm truyền	Dịch lọc máu và thẩm tách máu
		5	Khoang A: Mỗi 1000ml chứa Calcium clorid dihydrat 5,145g; Magnesium clorid hexahydrat 2,033g; Acid lactic 5,4g; Khoang B: Mỗi 1000ml chứa Sodium chlorid 6,45g; Sodium hydrogen carbonat 3,09g. Dung dịch sau khi phối hợp khoang A và khoang B chứa: Calcium 1,75mm ol/l; Magnesi um 0,5mmol /l; Sodium 140mmo l/l; Chlorid 109,5m mol/l; Lactat 3mmol/l; Hydrogen carbonat 32mmol/l	Tiêm truyền	Dịch lọc máu và thẩm tách máu
261	Dutasterid	1	0,5mg	Uống	Viên
		2	0,5mg	Uống	Viên
		3	0,5mg	Uống	Viên
		4	0,5mg	Uống	Viên
		5	0,5mg	Uống	Viên
262	Đồng sulfat	1	250ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	250ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	250ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	250ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	250ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
263	Ebastin	1	10mg	Uống	Viên
		2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên

		5	10mg	Uống	Viên
264	Empagliflozin	1	25mg	Uống	Viên
		2	25mg	Uống	Viên
		3	25mg	Uống	Viên
		4	25mg	Uống	Viên
		5	25mg	Uống	Viên
265	Enalapril	1	5mg	Uống	Viên
		2	5mg	Uống	Viên
		3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
266	Enalapril	1	10mg	Uống	Viên
		2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên
		5	10mg	Uống	Viên
267	Enalapril + Hydroclorothiazid	1	5mg + 12,5mg	Uống	Viên
		2	5mg + 12,5mg	Uống	Viên
		3	5mg + 12,5mg	Uống	Viên
		4	5mg + 12,5mg	Uống	Viên
		5	5mg + 12,5mg	Uống	Viên
268	Enalapril + Hydroclorothiazid	1	10mg + 12,5mg	Uống	Viên
		2	10mg + 12,5mg	Uống	Viên
		3	10mg + 12,5mg	Uống	Viên
		4	10mg + 12,5mg	Uống	Viên
		5	10mg + 12,5mg	Uống	Viên
269	Enalapril + Hydroclorothiazid	1	20mg + 12,5mg	Uống	Viên
		2	20mg + 12,5mg	Uống	Viên
		3	20mg + 12,5mg	Uống	Viên
		4	20mg + 12,5mg	Uống	Viên
		5	20mg + 12,5mg	Uống	Viên
270	Enoxaparin Natri	1	40mg/0,4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm
		2	40mg/0,4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm
		3	40mg/0,4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm
		4	40mg/0,4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm
		5	40mg/0,4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm
271	Entecavir	1	1mg	Uống	Viên
		2	1mg	Uống	Viên
		3	1mg	Uống	Viên
		4	1mg	Uống	Viên

		5	1mg	Uống	Viên
272	Eperison	1	50mg	Uống	Viên
		2	50mg	Uống	Viên
		3	50mg	Uống	Viên
		4	50mg	Uống	Viên
		5	50mg	Uống	Viên
273	Epinephrin (adrenalin)	1	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
274	Epirubicin	1	2mg/ml x 25ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	2mg/ml x 25ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	2mg/ml x 25ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	2mg/ml x 25ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	2mg/ml x 25ml	Tiêm	Thuốc tiêm
275	Ephedrin	1	30mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	30mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	30mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	30mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	30mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
276	Erlotinib	1	100mg	Uống	Viên
		2	100mg	Uống	Viên
		3	100mg	Uống	Viên
		4	100mg	Uống	Viên
		5	100mg	Uống	Viên
277	Erlotinib	1	150mg	Uống	Viên
		2	150mg	Uống	Viên
		3	150mg	Uống	Viên
		4	150mg	Uống	Viên
		5	150mg	Uống	Viên
278	Ertapenem	1	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
279	Erythromycin	1	500mg	Uống	Viên
		2	500mg	Uống	Viên
		3	500mg	Uống	Viên
		4	500mg	Uống	Viên
		5	500mg	Uống	Viên
		1	2000 IU/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm

280	Erythropoietin	2	2000 IU/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	2000 IU/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	2000 IU/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	2000 IU/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
281	Erythropoietin	1	4000 IU/0,5 ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	4000 IU/0,5 ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	4000 IU/0,5 ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	4000 IU/0,5 ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	4000 IU/0,5 ml	Tiêm	Thuốc tiêm
282	Erythropoietin	1	2000 IU/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	2000 IU/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	2000 IU/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	2000 IU/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	2000 IU/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
283	Erythropoietin	1	4000 IU/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	4000 IU/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	4000 IU/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	4000 IU/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	4000 IU/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
284	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol (magnesi dihydrat) vi hạt 22%)	1	20mg	Uống	viên nang cứng chứa pellet tan trong ruột
		2	20mg	Uống	viên nang cứng chứa pellet tan trong ruột
		3	20mg	Uống	viên nang cứng chứa pellet tan trong ruột
		4	20mg	Uống	viên nang cứng chứa pellet tan trong ruột
		5	20mg	Uống	viên nang cứng chứa pellet tan trong ruột

285	Etamsylat	1	500mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	500mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	500mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	500mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	500mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
286	Etomidat	1	20mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	20mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	20mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	20mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	20mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
287	Etoposid	1	100mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	100mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	100mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	100mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	100mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
288	Etoricoxib	1	30mg	Uống	Viên
		2	30mg	Uống	Viên
		3	30mg	Uống	Viên
		4	30mg	Uống	Viên
		5	30mg	Uống	Viên
289	Etoricoxib	1	90mg	Uống	Viên
		2	90mg	Uống	Viên
		3	90mg	Uống	Viên
		4	90mg	Uống	Viên
		5	90mg	Uống	Viên
290	Famotidin	1	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm
291	Famotidin	1	40mg	Uống	Viên
		2	40mg	Uống	Viên
		3	40mg	Uống	Viên
		4	40mg	Uống	Viên
		5	40mg	Uống	Viên
292	Felodipin	1	5mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		2	5mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		3	5mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		4	5mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát

		5	5mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
293	Fenofibrat	1	200mg	Uống	Viên nang
		2	200mg	Uống	Viên nang
		3	200mg	Uống	Viên nang
		4	200mg	Uống	Viên nang
		5	200mg	Uống	Viên nang
294	Fenofibrat	1	200mg	Uống	Viên
		2	200mg	Uống	Viên
		3	200mg	Uống	Viên
		4	200mg	Uống	Viên
		5	200mg	Uống	Viên
295	Fenoterol + Ipratropium	1	(0,05mg + 0,02mg)/nhát xịt x 200 nhát xịt, 10ml	Dạng hít	Thuốcmù hít định định liều liều/ phun
		2	(0,05mg + 0,02mg)/nhát xịt x 200 nhát xịt, 10ml	Dạng hít	Thuốcmù hít định định liều liều/ phun
		3	(0,05mg + 0,02mg)/nhát xịt x 200 nhát xịt, 10ml	Dạng hít	Thuốcmù hít định định liều liều/ phun
		4	(0,05mg + 0,02mg)/nhát xịt x 200 nhát xịt, 10ml	Dạng hít	Thuốcmù hít định định liều liều/ phun
		5	(0,05mg + 0,02mg)/nhát xịt x 200 nhát xịt, 10ml	Dạng hít	Thuốcmù hít định định liều liều/ phun
296	Fentanyl	1	50mcg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	50mcg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	50mcg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	50mcg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	50mcg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
297	Fexofenadin	1	30mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	30mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	30mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	30mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	30mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
298	Fexofenadin	1	60mg	Uống	Viên
		2	60mg	Uống	Viên
		3	60mg	Uống	Viên
		4	60mg	Uống	Viên
		5	60mg	Uống	Viên
299	Fexofenadin	1	120mg	Uống	Viên
		2	120mg	Uống	Viên
		3	120mg	Uống	Viên
		4	120mg	Uống	Viên
		5	120mg	Uống	Viên
		1	180mg	Uống	Viên

300	Fexofenadin	2	180mg	Uống	Viên
		3	180mg	Uống	Viên
		4	180mg	Uống	Viên
		5	180mg	Uống	Viên
301	Filgrastim	1	300mcg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	300mcg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	300mcg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	300mcg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	300mcg	Tiêm	Thuốc tiêm
302	Fluconazol	1	100mg	Uống	Viên nang
		2	100mg	Uống	Viên nang
		3	100mg	Uống	Viên nang
		4	100mg	Uống	Viên nang
		5	100mg	Uống	Viên nang
303	Flunarizin	1	5mg	Uống	Viên nang
		2	5mg	Uống	Viên nang
		3	5mg	Uống	Viên nang
		4	5mg	Uống	Viên nang
		5	5mg	Uống	Viên nang
304	Fluorometholon	1	0,10%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	0,10%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	0,10%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	0,10%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	0,10%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
305	Fluorouracil (5-FU)	1	500mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	500mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	500mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	500mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	500mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
306	Fluticason furoat	1	27,5mcg/liều xịt x 120 nhát xịt	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi
		2	27,5mcg/liều xịt x 120 nhát xịt	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi
		3	27,5mcg/liều xịt x 120 nhát xịt	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi
		4	27,5mcg/liều xịt x 120 nhát xịt	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi

		5	27,5mcg/liều xịt x 120 nhát xịt	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi
307	Fluticasone propionat	1	50mcg/liều xịt x 60 liều	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi
		2	50mcg/liều xịt x 60 liều	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi
		3	50mcg/liều xịt x 60 liều	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi
		4	50mcg/liều xịt x 60 liều	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi
		5	50mcg/liều xịt x 60 liều	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi
308	Fluvastatin	1	20mg	Uống	Viên nang
		2	20mg	Uống	Viên nang
		3	20mg	Uống	Viên nang
		4	20mg	Uống	Viên nang
		5	20mg	Uống	Viên nang
309	Fluvastatin (dưới dạng Fluvastatin natri)	1	40mg	Uống	Viên nang
		2	40mg	Uống	Viên nang
		3	40mg	Uống	Viên nang
		4	40mg	Uống	Viên nang
		5	40mg	Uống	Viên nang
310	Fosfomycin	1	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	2g	Tiêm	Thuốc tiêm
311	Fulvestrant	1	250mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	250mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	250mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	250mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	250mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
312	Furosemid	1	10mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	10mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	10mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	10mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	10mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
313	Furosemid	1	40mg	Uống	Viên
		2	40mg	Uống	Viên
		3	40mg	Uống	Viên
		4	40mg	Uống	Viên
		5	40mg	Uống	Viên
314	Fusidic acid	1	2% x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	2% x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	2% x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài

		4	2% x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	2% x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
315	Fusidic acid + Betamethason	1	(100mg + 5mg)/5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	(100mg + 5mg)/5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	(100mg + 5mg)/5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	(100mg + 5mg)/5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	(100mg + 5mg)/5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
316	Fusidic acid + Hydrocortison acetat	1	10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
317	Gabapentin	1	100mg	Uống	Viên
		2	100mg	Uống	Viên
		3	100mg	Uống	Viên
		4	100mg	Uống	Viên
		5	100mg	Uống	Viên
318	Gabapentin	1	600mg	Uống	Viên
		2	600mg	Uống	Viên
		3	600mg	Uống	Viên
		4	600mg	Uống	Viên
		5	600mg	Uống	Viên
319	Gabapentin	1	300mg/6ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		2	300mg/6ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		3	300mg/6ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		4	300mg/6ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		5	300mg/6ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		1	604,72mg/ml x 5ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm

320	Gadobutrol	2	604,72mg/ml x 5ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm
		3	604,72mg/ml x 5ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm
		4	604,72mg/ml x 5ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm
		5	604,72mg/ml x 5ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm
321	Gefitinib	1	250mg	Uống	Viên
		2	250mg	Uống	Viên
		3	250mg	Uống	Viên
		4	250mg	Uống	Viên
		5	250mg	Uống	Viên
322	Gelatin	1	4% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	4% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	4% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	4% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	4% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
323	Gemcitabin	1	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm
324	Gemfibrozil	1	600mg	Uống	Viên
		2	600mg	Uống	Viên
		3	600mg	Uống	Viên
		4	600mg	Uống	Viên
		5	600mg	Uống	Viên
325	Gentamycin	1	80mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	80mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	80mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	80mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	80mg	Tiêm	Thuốc tiêm
326	Gentamycin	1	0,3% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	0,3% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	0,3% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt

		4	0,3% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	0,3% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
327	Glibenclamide + Metformin	1	5mg + 500 mg	Uống	Viên nén
		2	5mg + 500 mg	Uống	Viên nén
		3	5mg + 500 mg	Uống	Viên nén
		4	5mg + 500 mg	Uống	Viên nén
		5	5mg + 500 mg	Uống	Viên nén
328	Gliclazid	1	60mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		2	60mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		3	60mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		4	60mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		5	60mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
329	Gliclazid	1	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		2	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểmsoát
		3	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		4	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		5	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
330	Glimepirid	1	1mg	Uống	Viên
		2	1mg	Uống	Viên
		3	1mg	Uống	Viên
		4	1mg	Uống	Viên
		5	1mg	Uống	Viên
331	Glimepirid	1	2mg	Uống	Viên
		2	2mg	Uống	Viên
		3	2mg	Uống	Viên
		4	2mg	Uống	Viên
		5	2mg	Uống	Viên
332	Glimepirid + Metformin	1	2mg + 500mg	Uống	Viên
		2	2mg + 500mg	Uống	Viên
		3	2mg + 500mg	Uống	Viên
		4	2mg + 500mg	Uống	Viên
		5	2mg + 500mg	Uống	Viên
333	Glipizid	1	5mg	Uống	Viên
		2	5mg	Uống	Viên
		3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
		1	500mg	Uống	Viên
		2	500mg	Uống	Viên

334	Glucosamin	3	500mg	Uống	Viên
		4	500mg	Uống	Viên
		5	500mg	Uống	Viên
335	Glucose	1	5% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	5% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	5% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	5% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	5% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
336	Glucose	1	5% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	5% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	5% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	5% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	5% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
337	Glucose	1	10% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	10% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	10% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	10% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	10% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
338	Glucose	1	20% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	20% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	20% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	20% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	20% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
339	Glucose	1	30% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	30% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	30% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	30% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	30% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền

340	Glucose	1	30% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	30% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	30% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	30% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	30% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
341	Glucose	1	30% x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	30% x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	30% x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	30% x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	30% x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
342	Glucose khan + Natri clorid + Kali clorid + Trinatri citrat khan	1	2,7g + 0,52g + 0,3g + 0,509g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	2,7g + 0,52g + 0,3g + 0,509g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	2,7g + 0,52g + 0,3g + 0,509g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	2,7g + 0,52g + 0,3g + 0,509g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	2,7g + 0,52g + 0,3g + 0,509g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
343	Glucose khan + Natri clorid + Natri citrat+ Kali clorid	1	(4g + 0,7g + 0,58g + 0,3g)/5,6g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	(4g + 0,7g + 0,58g + 0,3g)/5,6g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	(4g + 0,7g + 0,58g + 0,3g)/5,6g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	(4g + 0,7g + 0,58g + 0,3g)/5,6g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	(4g + 0,7g + 0,58g + 0,3g)/5,6g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
344	Glycerol	1	9g	Thụt hậu môn/Trực tràng	Thuốc thụt hậu môn/Trực tràng
		2	9g	Thụt hậu môn/Trực tràng	Thuốc thụt hậu môn/Trực tràng
		3	9g	Thụt hậu môn/Trực tràng	Thuốc thụt hậu môn/Trực tràng
		4	9g	Thụt hậu môn/Trực tràng	Thuốc thụt hậu môn/Trực tràng

		5	9g	Thụt hậu môn/Trực tràng	Thuốc thụt hậu môn/Trực tràng
345	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	1	0,6mg	Đặt dưới lưỡi	Viên
		2	0,6mg	Đặt dưới lưỡi	Viên
		3	0,6mg	Đặt dưới lưỡi	Viên
		4	0,6mg	Đặt dưới lưỡi	Viên
		5	0,6mg	Đặt dưới lưỡi	Viên
346	Goserelin acetat	1	3,6mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	3,6mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	3,6mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	3,6mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	3,6mg	Tiêm	Thuốc tiêm
347	Haloperidol	1	1,5mg	Uống	Viên
		2	1,5mg	Uống	Viên
		3	1,5mg	Uống	Viên
		4	1,5mg	Uống	Viên
		5	1,5mg	Uống	Viên
348	Haloperidol	1	5mg	Uống	Viên
		2	5mg	Uống	Viên
		3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
349	Heparin Natri	1	25.000 UI	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	25.000 UI	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	25.000 UI	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	25.000 UI	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	25.000 UI	Tiêm	Thuốc tiêm
350	Huyết thanh kháng độc tố Bạch hầu	1	Mỗi lọ 10 ml chứa kháng độc tố bạch hầu 10.000 UI	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	Mỗi lọ 10 ml chứa kháng độc tố bạch hầu 10.000 UI	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	Mỗi lọ 10 ml chứa kháng độc tố bạch hầu 10.000 UI	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	Mỗi lọ 10 ml chứa kháng độc tố bạch hầu 10.000 UI	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	Mỗi lọ 10 ml chứa kháng độc tố bạch hầu 10.000 UI	Tiêm	Thuốc tiêm
		1	1.500 UI	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1.500 UI	Tiêm	Thuốc tiêm

351	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván	3	1.500 UI	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1.500 UI	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1.500 UI	Tiêm	Thuốc tiêm
352	Huyết thanh kháng nọc rắn lục tre	1	1000LD50	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1000LD50	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1000LD50	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1000LD50	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1000LD50	Tiêm	Thuốc tiêm
353	Hydroclorothiazid	1	25mg	Uống	Viên
		2	25mg	Uống	Viên
		3	25mg	Uống	Viên
		4	25mg	Uống	Viên
		5	25mg	Uống	Viên
354	Hydrocortison	1	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm
355	Hydrocortison	1	1% x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	1% x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	1% x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	1% x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	1% x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
356	Hydroxypropyl methyl cellulose	1	0,3% x 15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	0,3% x 15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	0,3% x 15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	0,3% x 15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	0,3% x 15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
	Hydroxyurea	1	500mg	Uống	Viên
		2	500mg	Uống	Viên

357	Hydroxyurea (Hydroxycarbamid)	3	500mg	Uống	Viên
		4	500mg	Uống	Viên
		5	500mg	Uống	Viên
358	Hyoscin butylbromid	1	10mg	Uống	Viên
		2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên
		5	10mg	Uống	Viên
359	Hyoscin butylbromid	1	20mg	Uống	Viên
		2	20mg	Uống	Viên
		3	20mg	Uống	Viên
		4	20mg	Uống	Viên
		5	20mg	Uống	Viên
360	Hyoscin butylbromid	1	20mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	20mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	20mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	20mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	20mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
361	Ibuprofen	1	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	100mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
362	Ibuprofen	1	200mg	Uống	Viên
		2	200mg	Uống	Viên
		3	200mg	Uống	Viên
		4	200mg	Uống	Viên
		5	200mg	Uống	Viên
363	Ibuprofen	1	400mg	Uống	Viên
		2	400mg	Uống	Viên
		3	400mg	Uống	Viên
		4	400mg	Uống	Viên
		5	400mg	Uống	Viên
364	Imipenem + Cilastatin	1	0,25g + 0,25g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	0,25g + 0,25g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	0,25g + 0,25g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	0,25g + 0,25g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	0,25g + 0,25g	Tiêm	Thuốc tiêm
		1	5g/100ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	5g/100ml	Tiêm	Thuốc tiêm

365	Immune globulin	3	5g/100ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	5g/100ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	5g/100ml	Tiêm	Thuốc tiêm
366	Indapamid	1	1,5mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		2	1,5mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		3	1,5mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		4	1,5mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		5	1,5mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
367	Insulin (30/70)	1	100UI/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	100UI/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	100UI/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	100UI/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	100UI/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
368	Insulin (tác dụng nhanh, ngắn)	1	100UI/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	100UI/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	100UI/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	100UI/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	100UI/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
369	Insulin (tác dụng trung bình, trung gian)	1	100UI/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	100UI/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	100UI/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	100UI/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	100UI/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
370	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Degludec)	1	100UI/ml x 3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	100UI/ml x 3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	100UI/ml x 3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	100UI/ml x 3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	100UI/ml x 3ml	Tiêm	Thuốc tiêm

371	Insulin glargine (tác dụng chậm, kéo dài)	1	100IU/ml x 3ml	Tiêm	Thuốc dạng tiêm đóng cụ tiêm sẵn trong
		2	100IU/ml x 3ml	Tiêm	Thuốc dạng tiêm đóng cụ tiêm sẵn trong
		3	100IU/ml x 3ml	Tiêm	Thuốc dạng tiêm đóng cụ tiêm sẵn trong
		4	100IU/ml x 3ml	Tiêm	Thuốc dạng tiêm đóng cụ tiêm sẵn trong
		5	100IU/ml x 3ml	Tiêm	Thuốc dạng tiêm đóng cụ tiêm sẵn trong
372	Insulin Human tác dụng nhanh, ngắn	1	40UI/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	40UI/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	40UI/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	40UI/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	40UI/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
373	Insulin trộn (30/70)	1	100UI/ml x 3ml	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm
		2	100UI/ml x 3ml	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm
		3	100UI/ml x 3ml	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm
		4	100UI/ml x 3ml	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm
		5	100UI/ml x 3ml	Tiêm	Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm
374	Iohexol	1	300mg/ml x 50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	300mg/ml x 50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	300mg/ml x 50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	300mg/ml x 50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	300mg/ml x 50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		1	623,40mg/ml x 100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền

375	Iopromid acid	2	623,40mg/ml x 100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	623,40mg/ml x 100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	623,40mg/ml x 100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	623,40mg/ml x 100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
376	Iopromid acid	1	623,40mg/ml x 50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	623,40mg/ml x 50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	623,40mg/ml x 50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	623,40mg/ml x 50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	623,40mg/ml x 50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
377	Ipratropium bromide khan + Fenoterol hydrobromide	1	250mcg/ml + 500mcg/ml x 20ml	Khí dung	Dung dịch khí dung
		2	250mcg/ml + 500mcg/ml x 20ml	Khí dung	Dung dịch khí dung
		3	250mcg/ml + 500mcg/ml x 20ml	Khí dung	Dung dịch khí dung
		4	250mcg/ml + 500mcg/ml x 20ml	Khí dung	Dung dịch khí dung
		5	250mcg/ml + 500mcg/ml x 20ml	Khí dung	Dung dịch khí dung
378	Irbesartan	1	75mg	Uống	Viên nén bao phim
		2	75mg	Uống	Viên nén bao phim
		3	75mg	Uống	Viên nén bao phim
		4	75mg	Uống	Viên nén bao phim
		5	75mg	Uống	Viên nén bao phim
379	Irbesartan	1	75mg	Uống	Viên
		2	75mg	Uống	Viên
		3	75mg	Uống	Viên
		4	75mg	Uống	Viên
		5	75mg	Uống	Viên
380	Irbesartan (*)	3	150mg	Uống	Viên
		4	150mg	Uống	Viên
		5	150mg	Uống	Viên
381	Irbesartan	1	100 mg	Uống	Viên
		2	100 mg	Uống	Viên
		3	100 mg	Uống	Viên
		4	100 mg	Uống	Viên
		5	100 mg	Uống	Viên
	Irbesartan +	1	150mg + 12,5mg	Uống	Viên
		2	150mg + 12,5mg	Uống	Viên

382	Irbesartan + Hydroclorothiazid	3	150mg + 12,5mg	Uống	Viên
		4	150mg + 12,5mg	Uống	Viên
		5	150mg + 12,5mg	Uống	Viên
383	Irinotecan	1	40mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	40mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	40mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	40mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	40mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
384	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	1	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		2	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		3	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		4	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		5	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
385	Isosorbid dinitrat	1	10mg	Uống	Viên
		2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên
		5	10mg	Uống	Viên
386	Isosorbid mononitrat	1	60mg	Uống, đặt dưới lưỡi	Viên giải phóng có kiểm soát
		2	60mg	Uống, đặt dưới lưỡi	Viên giải phóng có kiểm soát
		3	60mg	Uống, đặt dưới lưỡi	Viên giải phóng có kiểm soát
		4	60mg	Uống, đặt dưới lưỡi	Viên giải phóng có kiểm soát
		5	60mg	Uống, đặt dưới lưỡi	Viên giải phóng có kiểm soát
387	Itoprid	1	50mg	Uống	Viên
		2	50mg	Uống	Viên
		3	50mg	Uống	Viên
		4	50mg	Uống	Viên
		5	50mg	Uống	Viên
388	Itraconazol	1	100mg	Uống	Viên
		2	100mg	Uống	Viên
		3	100mg	Uống	Viên
		4	100mg	Uống	Viên
		5	100mg	Uống	Viên
389	Ivabradin	1	7,5mg	Uống	Viên
		2	7,5mg	Uống	Viên
		3	7,5mg	Uống	Viên
		4	7,5mg	Uống	Viên
		5	7,5mg	Uống	Viên

390	Ivermectin	1	6mg	Uống	Viên
		2	6mg	Uống	Viên
		3	6mg	Uống	Viên
		4	6mg	Uống	Viên
		5	6mg	Uống	Viên
391	Kali clorid	1	500mg	Uống	Viên
		2	500mg	Uống	Viên
		3	500mg	Uống	Viên
		4	500mg	Uống	Viên
		5	500mg	Uống	Viên
392	Kali clorid	1	600mg	Uống	Viên
		2	600mg	Uống	Viên
		3	600mg	Uống	Viên
		4	600mg	Uống	Viên
		5	600mg	Uống	Viên
393	Kali clorid	1	10% x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	10% x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	10% x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	10% x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	10% x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
394	Kali iodid + Natri iodid	1	30mg + 30mg	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	30mg + 30mg	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	30mg + 30mg	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	30mg + 30mg	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	30mg + 30mg	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
395	Kẽm Gluconat	1	56mg/5ml x 100ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		2	56mg/5ml x 100ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		3	56mg/5ml x 100ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		4	56mg/5ml x 100ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		5	56mg/5ml x 100ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
396	Kẽm Gluconat	1	10mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	10mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	10mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	10mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống

		5	10mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
397	Kẽm Gluconat	1	10mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		2	10mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		3	10mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		4	10mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		5	10mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
398	Kẽm sulfat	1	10mg/5ml x 100ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		2	10mg/5ml x 100ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		3	10mg/5ml x 100ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		4	10mg/5ml x 100ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		5	10mg/5ml x 100ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
399	Ketamin hydroclorid	1	50mg/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	50mg/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	50mg/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	50mg/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	50mg/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
400	Ketoconazol	1	2% x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	2% x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	2% x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	2% x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	2% x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		1	2,5% x 50g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	2,5% x 50g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài

401	Ketoprofen	3	2,5% x 50g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	2,5% x 50g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	2,5% x 50g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
402	Ketoprofen	1	30mg	Dán ngoài da	Miếng dán
		2	30mg	Dán ngoài da	Miếng dán
		3	30mg	Dán ngoài da	Miếng dán
		4	30mg	Dán ngoài da	Miếng dán
		5	30mg	Dán ngoài da	Miếng dán
403	Ketoprofen	1	100mg	Uống	Viên bao tan ở ruột
		2	100mg	Uống	Viên bao tan ở ruột
		3	100mg	Uống	Viên bao tan ở ruột
		4	100mg	Uống	Viên bao tan ở ruột
		5	100mg	Uống	Viên bao tan ở ruột
404	Ketorolac	1	30mg/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	30mg/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	30mg/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	30mg/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	30mg/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
405	Ketorolac	1	30mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	30mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	30mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	30mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	30mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
406	Lacidipin	1	2mg	Uống	Viên
		2	2mg	Uống	Viên
		3	2mg	Uống	Viên
		4	2mg	Uống	Viên
		5	2mg	Uống	Viên
407	Lactobacillus acidophilus	1	10^8 CFU	Uống	Viên nang
		2	10^8 CFU	Uống	Viên nang
		3	10^8 CFU	Uống	Viên nang
		4	10^8 CFU	Uống	Viên nang
		5	10^8 CFU	Uống	Viên nang
		1	10g/15ml x 200ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		2	10g/15ml x 200ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống

408	Lactulose	3	10g/15ml x 200ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		4	10g/15ml x 200ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		5	10g/15ml x 200ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
409	Lactulose	1	10g/15ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		2	10g/15ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		3	10g/15ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		4	10g/15ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		5	10g/15ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
410	Lamivudin	1	100mg	Uống	Viên
		2	100mg	Uống	Viên
		3	100mg	Uống	Viên
		4	100mg	Uống	Viên
		5	100mg	Uống	Viên
411	Lansoprazol	1	30mg	Uống	Viên
		2	30mg	Uống	Viên
		3	30mg	Uống	Viên
		4	30mg	Uống	Viên
		5	30mg	Uống	Viên
412	Lercanidipin hydroclorid	1	10mg	Uống	Viên
		2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên
		5	10mg	Uống	Viên
413	Letrozol	1	2,5mg	Uống	Viên
		2	2,5mg	Uống	Viên
		3	2,5mg	Uống	Viên
		4	2,5mg	Uống	Viên
		5	2,5mg	Uống	Viên
414	Levocetirizin	1	5mg	Uống	Viên
		2	5mg	Uống	Viên
		3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
415	Levodopa + Carbidopa	1	100mg + 10mg	Uống	Viên
		2	100mg + 10mg	Uống	Viên
		3	100mg + 10mg	Uống	Viên
		4	100mg + 10mg	Uống	Viên

		5	100mg + 10mg	Uống	Viên
416	Levodopa + Carbidopa	1	250mg + 25mg	Uống	Viên
		2	250mg + 25mg	Uống	Viên
		3	250mg + 25mg	Uống	Viên
		4	250mg + 25mg	Uống	Viên
		5	250mg + 25mg	Uống	Viên
417	Levofloxacin	1	250mg	Uống	Viên
		2	250mg	Uống	Viên
		3	250mg	Uống	Viên
		4	250mg	Uống	Viên
		5	250mg	Uống	Viên
418	Levofloxacin	1	5mg/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	5mg/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	5mg/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	5mg/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	5mg/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
419	Levofloxacin	1	750mg/150ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	750mg/150ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	750mg/150ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	750mg/150ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	750mg/150ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
420	Levofloxacin hydrat	1	15mg/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	15mg/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	15mg/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	15mg/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	15mg/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
421	Levosulpirid	1	25mg	Uống	Viên
		2	25mg	Uống	Viên
		3	25mg	Uống	Viên
		4	25mg	Uống	Viên
		5	25mg	Uống	Viên
422	Levothyroxin (muối natri)	1	100mcg	Uống	Viên
		2	100mcg	Uống	Viên
		3	100mcg	Uống	Viên
		4	100mcg	Uống	Viên
		5	100mcg	Uống	Viên
423	Levothyroxin (muối natri)	1	50 mcg	Uống	Viên
		2	50 mcg	Uống	Viên
		3	50 mcg	Uống	Viên
		4	50 mcg	Uống	Viên
		5	50 mcg	Uống	Viên
424	Lidocain + Epinephrin (adrenalin)	1	(36mg + 18mcg)/1,8ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	(36mg + 18mcg)/1,8ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	(36mg + 18mcg)/1,8ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	(36mg + 18mcg)/1,8ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	(36mg + 18mcg)/1,8ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		1	10% x 38g	Xịt ngoài da	Thuốc dùng ngoài

425	Lidocain hydroclodrid	2	10% x 38g	Xịt ngoài da	Thuốc dùng ngoài
		3	10% x 38g	Xịt ngoài da	Thuốc dùng ngoài
		4	10% x 38g	Xịt ngoài da	Thuốc dùng ngoài
		5	10% x 38g	Xịt ngoài da	Thuốc dùng ngoài
426	Lidocain hydroclorid	1	2% x 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	2% x 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	2% x 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	2% x 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	2% x 30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
427	Lidocain hydroclorid	1	2% x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	2% x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	2% x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	2% x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	2% x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
428	Lidocain hydroclorid	1	2% x 20ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	2% x 20ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	2% x 20ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	2% x 20ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	2% x 20ml	Tiêm	Thuốc tiêm
429	Linagliptin	1	5mg	Uống	Viên
		2	5mg	Uống	Viên
		3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
430	Linezolid	1	200mg/100ml x 300ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	200mg/100ml x 300ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	200mg/100ml x 300ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	200mg/100ml x 300ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	200mg/100ml x 300ml	Tiêm	Thuốc tiêm
431	Lisinopril	1	20mg	Uống	viên
		2	20mg	Uống	viên
		3	20mg	Uống	viên
		4	20mg	Uống	viên
		5	20mg	Uống	viên
		1	10mg	Uống	Viên

432	Lisinopril	2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên
		5	10mg	Uống	Viên
433	Lisinopril	1	5mg	Uống	Viên
		2	5mg	Uống	Viên
		3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
434	L-Lysine hydrochloride + Vitamin B1 + Vitamin B2 + Vitamin B6 + Vitamin PP + Vitamin E + Calcium	1	150mg + 1,5mg + 1,67mg + 3mg + 10mg + 7,5mg + 65mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		2	150mg + 1,5mg + 1,67mg + 3mg + 10mg + 7,5mg + 65mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		3	150mg + 1,5mg + 1,67mg + 3mg + 10mg + 7,5mg + 65mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		4	150mg + 1,5mg + 1,67mg + 3mg + 10mg + 7,5mg + 65mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		5	150mg + 1,5mg + 1,67mg + 3mg + 10mg + 7,5mg + 65mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
435	Loperamid	1	2mg	Uống	Viên
		2	2mg	Uống	Viên
		3	2mg	Uống	Viên
		4	2mg	Uống	Viên
		5	2mg	Uống	Viên
436	Loratadin	1	5mg	Uống	Viên
		2	5mg	Uống	Viên
		3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
437	Loratadin	1	10mg	Uống	Viên
		2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên
		5	10mg	Uống	Viên
438	Losartan	1	25mg	Uống	Viên
		2	25mg	Uống	Viên
		3	25mg	Uống	Viên
		4	25mg	Uống	Viên
		5	25mg	Uống	Viên
439	Losartan + Hydroclorothiazid	1	50mg +12,5mg	Uống	Viên
		2	50mg +12,5mg	Uống	Viên
		3	50mg +12,5mg	Uống	Viên
		4	50mg +12,5mg	Uống	Viên
		5	50mg +12,5mg	Uống	Viên
440	Lovastatin	1	10mg	Uống	Viên
		2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên

		5	10mg	Uống	Viên
441	Lovastatin	1	20mg	Uống	Viên
		2	20mg	Uống	Viên
		3	20mg	Uống	Viên
		4	20mg	Uống	Viên
		5	20mg	Uống	Viên
442	Loxoprofen	1	60mg	Uống	Viên
		2	60mg	Uống	Viên
		3	60mg	Uống	Viên
		4	60mg	Uống	Viên
		5	60mg	Uống	Viên
443	Lynestrenol	1	5mg	Uống	Viên
		2	5mg	Uống	Viên
		3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
444	Macrogol + Natri sulfat + Natri bicarbonat + Natri clorid + Kali clorid	1	73,69g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	73,69g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	73,69g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	73,69g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	73,69g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
445	Magnesi aspartat + Kali aspartat	1	140mg + 158mg	Uống	Viên
		2	140mg + 158mg	Uống	Viên
		3	140mg + 158mg	Uống	Viên
		4	140mg + 158mg	Uống	Viên
		5	140mg + 158mg	Uống	Viên
446	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	1	400mg + 306mg	Uống	Viên
		2	400mg + 306mg	Uống	Viên
		3	400mg + 306mg	Uống	Viên
		4	400mg + 306mg	Uống	Viên
		5	400mg + 306mg	Uống	Viên
447	Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxyd	1	(800,4mg + 611,76mg)/10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		2	(800,4mg + 611,76mg)/10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		3	(800,4mg + 611,76mg)/10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		4	(800,4mg + 611,76mg)/10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		5	(800,4mg + 611,76mg)/10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ

448	Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxyd	1	1,3g + 3,384g	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		2	1,3g + 3,384g	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		3	1,3g + 3,384g	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		4	1,3g + 3,384g	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		5	1,3g + 3,384g	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
449	Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxyd + Simethicon	1	800mg + 800mg + 100mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		2	800mg + 800mg + 100mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		3	800mg + 800mg + 100mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		4	800mg + 800mg + 100mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		5	800mg + 800mg + 100mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
450	Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxyd + Simethicon	1	400mg + 300mg + 30mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		2	400mg + 300mg + 30mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		3	400mg + 300mg + 30mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		4	400mg + 300mg + 30mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		5	400mg + 300mg + 30mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		1	800,4mg + 3030,3mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		2	800,4mg + 3030,3mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ

451	Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxyd gel	3	800,4mg + 3030,3mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		4	800,4mg + 3030,3mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		5	800,4mg + 3030,3mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
452	Magnesi lactat dihydrat + Pyridoxine HCl (Vitamin B6)	1	470mg + 5mg	Uống	viên bao tan ở ruột
		2	470mg + 5mg	Uống	Viên sủi
		3	470mg + 5mg	Uống	Viên sủi
		4	470mg + 5mg	Uống	Viên sủi
		5	470mg + 5mg	Uống	Viên sủi
453	Magnesi lactat + Vitamin B6	1	940mg + 10mg	Uống	Viên sủi
		2	940mg + 10mg	Uống	Viên sủi
		3	940mg + 10mg	Uống	Viên sủi
		4	940mg + 10mg	Uống	Viên sủi
		5	940mg + 10mg	Uống	Viên sủi
454	Magnesi sulfat	1	15% x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	15% x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	15% x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	15% x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	15% x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
455	Magnesi trisilicat + Nhôm hydroxyd	1	(1,25g + 0,625g)/2,5g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	(1,25g + 0,625g)/2,5g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	(1,25g + 0,625g)/2,5g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	(1,25g + 0,625g)/2,5g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	(1,25g + 0,625g)/2,5g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
456	Manitol	1	20% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	20% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	20% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	20% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	20% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
457	Meclophenoxat	1	250 mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	250 mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	250 mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	250 mg	Tiêm	Thuốc tiêm

		5	250 mg	Tiêm	Thuốc tiêm
458	Meclophenoxat	1	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm
459	Mecobalamin	1	500mcg	Uống	Viên
		2	500mcg	Uống	Viên
		3	500mcg	Uống	Viên
		4	500mcg	Uống	Viên
		5	500mcg	Uống	Viên
460	Meloxicam (*)	3	15mg	Uống	Viên
		4	15mg	Uống	Viên
		5	15mg	Uống	Viên
461	Meloxicam (*)	3	7,5mg	Uống	Viên
		4	7,5mg	Uống	Viên
		5	7,5mg	Uống	Viên
462	Meloxicam	1	7,5mg	Uống	Viên sủi
		2	7,5mg	Uống	Viên sủi
		3	7,5mg	Uống	Viên sủi
		4	7,5mg	Uống	Viên sủi
		5	7,5mg	Uống	Viên sủi
463	Meloxicam (*)	3	7,5mg	Uống	Viên nang
		4	7,5mg	Uống	Viên nang
		5	7,5mg	Uống	Viên nang
464	Meloxicam	1	15mg/1,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	15mg/1,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	15mg/1,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	15mg/1,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	15mg/1,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
465	Meropenem	1	0,25g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	0,25g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	0,25g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	0,25g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	0,25g	Tiêm	Thuốc tiêm
466	Meropenem (*)	3	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		1	500mg	Uống	Viên

467	Mesalamin	2	500mg	Uống	Viên
		3	500mg	Uống	Viên
		4	500mg	Uống	Viên
		5	500mg	Uống	Viên
468	Mesalazin	1	500mg	Uống	Viên nén bao phim
		2	500mg	Uống	Viên bao tan ở ruột
		3	500mg	Uống	Viên bao tan ở ruột
		4	500mg	Uống	Viên bao tan ở ruột
		5	500mg	Uống	Viên bao tan ở ruột
469	Metformin	1	500mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		2	500mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		3	500mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		4	500mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		5	500mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
470	Metformin hydroclorid	1	850mg	Uống	Viên
		2	850mg	Uống	Viên
		3	850mg	Uống	Viên
		4	850mg	Uống	Viên
		5	850mg	Uống	Viên
471	Metformin	1	1000mg	Uống	Viên
		2	1000mg	Uống	Viên
		3	1000mg	Uống	Viên
		4	1000mg	Uống	Viên
		5	1000mg	Uống	Viên
472	Metformin + Gliclazid	1	500mg + 80mg	Uống	Viên
		2	500mg + 80mg	Uống	Viên
		3	500mg + 80mg	Uống	Viên
		4	500mg + 80mg	Uống	Viên
		5	500mg + 80mg	Uống	Viên
473	Metoclopramid	1	5mg/ml x 2ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	5mg/ml x 2ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	5mg/ml x 2ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	5mg/ml x 2ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	5mg/ml x 2ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
474	Metoclopramid	1	5mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	5mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	5mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	5mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm

		5	5mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
475	Metoclopramid	1	10mg	Uống	Viên
		2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên
		5	10mg	Uống	Viên
476	Metoprolol succinat	1	Metoprolol succinat 23,75mg (tương đương với Metoprolol tartrate 25mg)	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		2	Metoprolol succinat 23,75mg (tương đương với Metoprolol tartrate 25mg)	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		3	Metoprolol succinat 23,75mg (tương đương với Metoprolol tartrate 25mg)	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		4	Metoprolol succinat 23,75mg (tương đương với Metoprolol tartrate 25mg)	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		5	Metoprolol succinat 23,75mg (tương đương với Metoprolol tartrate 25mg)	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
477	Methadon hydroclorid	1	10mg/ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		2	10mg/ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		3	10mg/ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		4	10mg/ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		5	10mg/ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
478	Methocarbamol	1	1000mg	Uống	Viên
		2	1000mg	Uống	Viên
		3	1000mg	Uống	Viên
		4	1000mg	Uống	Viên
		5	1000mg	Uống	Viên
479	Methyl ergometrin	1	0,2mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	0,2mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	0,2mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm

		4	0,2mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	0,2mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
480	Methyl prednisolon	1	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm
481	Methyl prednisolon	1	40mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	40mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	40mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	40mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	40mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
482	Methyl prednisolon	1	16mg	Uống	Viên
		2	16mg	Uống	Viên
		3	16mg	Uống	Viên
		4	16mg	Uống	Viên
		5	16mg	Uống	Viên
483	Methyl prednisolon	1	4mg	Uống	Viên
		2	4mg	Uống	Viên
		3	4mg	Uống	Viên
		4	4mg	Uống	Viên
		5	4mg	Uống	Viên
484	Methyl prednisolon	1	4mg	Uống	Viên nang
		2	4mg	Uống	Viên nang
		3	4mg	Uống	Viên nang
		4	4mg	Uống	Viên nang
		5	4mg	Uống	Viên nang
485	Methyl prednisolon	1	125mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
		2	125mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
		3	125mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
		4	125mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
		5	125mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
486	Methyldopa	1	250mg	Uống	Viên
		2	250mg	Uống	Viên
		3	250mg	Uống	Viên
		4	250mg	Uống	Viên
		5	250mg	Uống	Viên

487	Metronidazol	1	500mg/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm
		2	500mg/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm
		3	500mg/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm
		4	500mg/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm
		5	500mg/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm
488	Metronidazol	1	250mg	Uống	Viên
		2	250mg	Uống	Viên
		3	250mg	Uống	Viên
		4	250mg	Uống	Viên
		5	250mg	Uống	Viên
489	Metronidazol	1	1% x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	1% x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	1% x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	1% x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	1% x 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
490	Metronidazol + Neomycin + Nystatin	1	500mg + 65.000UI + 100.000UI	Đặt âm đạo	Viên
		2	500mg + 65.000UI + 100.000UI	Đặt âm đạo	Viên
		3	500mg + 65.000UI + 100.000UI	Đặt âm đạo	Viên
		4	500mg + 65.000UI + 100.000UI	Đặt âm đạo	Viên
		5	500mg + 65.000UI + 100.000UI	Đặt âm đạo	Viên
491	Miconazol nitrat	1	200mg	Đặt âm đạo	Viên
		2	200mg	Đặt âm đạo	Viên
		3	200mg	Đặt âm đạo	Viên
		4	200mg	Đặt âm đạo	Viên
		5	200mg	Đặt âm đạo	Viên
492	Midazolam	1	5mg/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	5mg/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	5mg/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	5mg/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	5mg/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
493	Misoprostol	1	200mcg	Uống	Viên
		2	200mcg	Uống	Viên
		3	200mcg	Uống	Viên
		4	200mcg	Uống	Viên

		5	200mcg	Uống	Viên
494	Mometason furoat	1	27mg/30ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	27mg/30ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	27mg/30ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	27mg/30ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	27mg/30ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
495	Mometason furoat	1	0,1g/100g x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	0,1g/100g x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	0,1g/100g x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	0,1g/100g x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	0,1g/100g x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
496	Monobasic natri phosphat + Dibasic natri phosphat	1	(7g+19g)/118mlx133ml	Thụt hậu tràng môn/ trực	Thuốc thụt tràng hậu môn/ trực
		2	(19g + 7g)/118ml	Thụt hậu tràng môn/ trực	Thuốc thụt tràng hậu môn/ trực
		3	(19g + 7g)/118ml	Thụt hậu tràng môn/ trực	Thuốc thụt tràng hậu môn/ trực
		4	(19g + 7g)/118ml	Thụt hậu tràng môn/ trực	Thuốc thụt tràng hậu môn/ trực
		5	(19g + 7g)/118ml	Thụt hậu tràng môn/ trực	Thuốc thụt tràng hậu môn/ trực
497	Monobasic natri phosphat + Dibasic natri phosphat	1	(9,5g + 3,5g)/59ml	Thụt hậu tràng môn/ trực	Thuốc thụt tràng hậu môn/ trực
		2	(9,5g + 3,5g)/59ml	Thụt hậu tràng môn/ trực	Thuốc thụt tràng hậu môn/ trực
		3	(9,5g + 3,5g)/59ml	Thụt hậu tràng môn/ trực	Thuốc thụt tràng hậu môn/ trực
		4	(9,5g + 3,5g)/59ml	Thụt hậu tràng môn/ trực	Thuốc thụt tràng hậu môn/ trực
		5	(9,5g + 3,5g)/59ml	Thụt hậu tràng môn/ trực	Thuốc thụt tràng hậu môn/ trực
		1	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm

498	Morphin	3	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm
499	Morphin sulphat	1	30mg	Uống	Viên nang
		2	30mg	Uống	Viên nang
		3	30mg	Uống	Viên nang
		4	30mg	Uống	Viên nang
		5	30mg	Uống	Viên nang
500	Moxifloxacin	1	5mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	5mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	5mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	5mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	5mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
501	Moxifloxacin (*)	3	400mg/250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	400mg/250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	400mg/250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
502	Moxifloxacin + Dexamethason	1	0,5% + 0,1%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	0,5% + 0,1%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	0,5% + 0,1%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	0,5% + 0,1%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	0,5% + 0,1%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
503	Mupirocin	1	2% x 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	2% x 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	2% x 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	2% x 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	2% x 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
504	N- Acetylcystein	1	300mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	300mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	300mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	300mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	300mg/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
505	N- Acetylcystein	1	200mg/5ml x 30ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		2	200mg/5ml x 30ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		3	200mg/5ml x 30ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống

		4	200mg/5ml x 30ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		5	200mg/5ml x 30ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
506	N- Acetylcystein	1	200mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	200mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	200mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	200mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	200mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
507	Naloxon hydroclorid	1	0,4mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	0,4mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	0,4mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	0,4mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	0,4mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
508	Naproxen	1	500mg	Uống	Viên
		2	500mg	Uống	Viên
		3	500mg	Uống	Viên
		4	500mg	Uống	Viên
		5	500mg	Uống	Viên
509	Naphazolin	1	0,05% x 5ml	Nhỏ mũi	Thuốc nhỏ mũi
		2	0,05% x 5ml	Nhỏ mũi	Thuốc nhỏ mũi
		3	0,05% x 5ml	Nhỏ mũi	Thuốc nhỏ mũi
		4	0,05% x 5ml	Nhỏ mũi	Thuốc nhỏ mũi
		5	0,05% x 5ml	Nhỏ mũi	Thuốc nhỏ mũi
510	Natri clorid	1	0,9% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	0,9% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	0,9% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	0,9% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	0,9% x 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
511	Natri clorid	1	0,9% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	0,9% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	0,9% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	0,9% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	0,9% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		1	0,9% x 100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền

512	Natri clorid	2	0,9% x 100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	0,9% x 100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	0,9% x 100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	0,9% x 100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
513	Natri clorid	1	10% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	10% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	10% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	10% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	10% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
514	Natri clorid	1	0,9% x 500ml	Dùng ngoài (sử dụng được trong phẫu thuật)	Thuốc dùng ngoài
		2	0,9% x 500ml	Dùng ngoài (sử dụng được trong phẫu thuật)	Thuốc dùng ngoài
		3	0,9% x 500ml	Dùng ngoài (sử dụng được trong phẫu thuật)	Thuốc dùng ngoài
		4	0,9% x 500ml	Dùng ngoài (sử dụng được trong phẫu thuật)	Thuốc dùng ngoài
		5	0,9% x 500ml	Dùng ngoài (sử dụng được trong phẫu thuật)	Thuốc dùng ngoài

515	Natri clorid	1	0,9%	Nhỏ mắt, nhỏ mũi	Thuốc nhỏ mắt
		2	0,9%	Nhỏ mắt, nhỏ mũi	Thuốc nhỏ mắt
		3	0,9%	Nhỏ mắt, nhỏ mũi	Thuốc nhỏ mắt
		4	0,9%	Nhỏ mắt, nhỏ mũi	Thuốc nhỏ mắt
		5	0,9%	Nhỏ mắt, nhỏ mũi	Thuốc nhỏ mắt
516	Natri diquafosol	1	30mg/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	30mg/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	30mg/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	30mg/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	30mg/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
517	Natri hyaluronat	1	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
518	Natri hyaluronat	1	1mg/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	1mg/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	1mg/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	1mg/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	1mg/ml x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
519	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	1	4,2% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	4,2% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	4,2% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	4,2% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	4,2% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
520	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	1	1,4% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	1,4% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	1,4% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	1,4% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	1,4% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
521	Natri montelukast	1	10mg	Uống	Viên
		2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên
		5	10mg	Uống	Viên
		1	4mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống

522	Natri montelukast	2	4mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	4mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	4mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	4mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
523	Nebivolol hydroclorid	1	10mg	Uống	Viên
		2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên
		5	10mg	Uống	Viên
524	Nefopam hydroclorid	1	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm
525	Neomycin + Polymyxin B sulfat + Dexamethason	1	35.000 IU + 60.000 IU + 10mg	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	35.000 IU + 60.000 IU + 10mg	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	35.000 IU + 60.000 IU + 10mg	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	35.000 IU + 60.000 IU +10mg	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	35.000 IU + 60.000 IU +10mg	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
526	Neomycin sulfat + Polymycin B sulfat + Nystatin	1	35.000 IU +35.000 IU + 100.000 IU	Đặt âm đạo	Viên nang mềm
		2	35.000 IU +35.000 IU +100.000 IU	Đặt âm đạo	Viên nang mềm
		3	35.000 IU +35.000 IU + 100.000 IU	Đặt âm đạo	Viên nang mềm
		4	35.000 IU +35.000 IU + 100.000 IU	Đặt âm đạo	Viên nang mềm
		5	35.000 IU +35.000 IU + 100.000 IU	Đặt âm đạo	Viên nang mềm
527	Neostigmin methylsulfat (bromid)	1	0,5mg/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	0,5mg/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	0,5mg/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	0,5mg/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	0,5mg/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
528	Nepafenac	1	1mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	1mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	1mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	1mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	1mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		1	200mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm

529	Netilmicin	2	200mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	200mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	200mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	200mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
530	Nicardipin	1	10mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	10mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	10mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	10mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	10mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
531	Nicorandil	1	5mg	Uống	Viên
		2	5mg	Uống	Viên
		3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
532	Nicorandil	1	10mg	Uống	Viên
		2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên
		5	10mg	Uống	Viên
533	Nifedipin	1	20mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		2	20mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		3	20mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		4	20mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		5	20mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
534	Nifedipin	1	20mg	Uống	Viên
		2	20mg	Uống	Viên
		3	20mg	Uống	Viên
		4	20mg	Uống	Viên
		5	20mg	Uống	Viên
535	Nimodipin	1	10mg/50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	10mg/50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	10mg/50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	10mg/50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	10mg/50ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
536	Nimodipin	1	30mg	Uống	Viên
		2	30mg	Uống	Viên
		3	30mg	Uống	Viên
		4	30mg	Uống	Viên
		5	30mg	Uống	Viên

537	Nor-Epinephrin (Nor-adrenalin)	1	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
538	Nước cất pha tiêm	1	5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
539	Nước cất pha tiêm	1	10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
540	Nước oxy già	1	3% x 60ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	3% x 60ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	3% x 60ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	3% x 60ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	3% x 60ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
541	Nystatin	1	25.000UI	Đánh tưa lưỡi	Thuốc tác dụng tại niêm mạc miệng
		2	25.000UI	Đánh tưa lưỡi	Thuốc tác dụng tại niêm mạc miệng
		3	25.000UI	Đánh tưa lưỡi	Thuốc tác dụng tại niêm mạc miệng
		4	25.000UI	Đánh tưa lưỡi	Thuốc tác dụng tại niêm mạc miệng
		5	25.000UI	Đánh tưa lưỡi	Thuốc tác dụng tại niêm mạc miệng
542	Nhũ dịch lipid	1	20% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	20% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	20% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	20% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	20% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền

543	Nhũ dịch lipid	1	(Mỗi 100ml chứa: Medium chain triglycerides 10,0g; Soya-bean oil, refined 8,0g; Omega-3-acid triglycerides 2,0g) x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	(Mỗi 100ml chứa: Medium chain triglycerides 10,0g; Soya-bean oil, refined 8,0g; Omega-3-acid triglycerides 2,0g) x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	(Mỗi 100ml chứa: Medium chain triglycerides 10,0g; Soya-bean oil, refined 8,0g; Omega-3-acid triglycerides 2,0g) x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	(Mỗi 100ml chứa: Medium chain triglycerides 10,0g; Soya-bean oil, refined 8,0g; Omega-3-acid triglycerides 2,0g) x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	(Mỗi 100ml chứa: Medium chain triglycerides 10,0g; Soya-bean oil, refined 8,0g; Omega-3-acid triglycerides 2,0g) x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
544	Nhũ dịch lipid	1	10% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	10% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	10% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	10% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	10% x 250ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		1	(Mỗi 100 ml nhũ tương chứa: Dầu đậu nành tinh	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền

545	Nhũ dịch lipid	2	(Mỗi 100 ml nhũ tương chứa: Dầu đậu nành tinh	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	(Mỗi 100 ml nhũ tương chứa: Dầu đậu nành tinh	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	(Mỗi 100 ml nhũ tương chứa: Dầu đậu nành tinh	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	(Mỗi 100 ml nhũ tương chứa: Dầu đậu nành tinh	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
546	Nhũ dịch lipid	1	(Mỗi 100 ml nhũ tương chứa: Dầu đậu nành tinh	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	(Mỗi 100 ml nhũ tương chứa: Dầu đậu nành tinh	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	(Mỗi 100 ml nhũ tương chứa: Dầu đậu nành tinh	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	(Mỗi 100 ml nhũ tương	Tiêm	Thuốc tiêm truyền
		5	(Mỗi 100 ml nhũ tương	Tiêm	Thuốc tiêm truyền
547	Octreotid	1	100mcg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	100mcg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	100mcg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	100mcg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	100mcg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
548	Octreotid	1	0,1mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	0,1mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	0,1mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	0,1mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	0,1mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
549	Ofloxacin	1	200mg	Uống	Viên
		2	200mg	Uống	Viên
		3	200mg	Uống	Viên
		4	200mg	Uống	Viên
		5	200mg	Uống	Viên
550	Ofloxacin	1	200mg/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm
		2	200mg/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm
		3	200mg/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm
		4	200mg/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm
		5	200mg/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm
551	Olanzapin	1	10mg	Uống	Viên
		2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên
		5	10mg	Uống	Viên
552	Olanzapin	1	5mg	Uống	Viên
		2	5mg	Uống	Viên
		3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
553	Olopatadin	1	2mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	2mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	2mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	2mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt

		5	2mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
554	Olopatadin hydroclorid	1	0,2%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	0,2%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	0,2%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	0,2%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	0,2%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
555	Omeprazol (*)	3	20mg	Uống	Viên
		4	20mg	Uống	Viên
		5	20mg	Uống	Viên
556	Omeprazol (*)	3	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm
557	Ondansetron	1	8mg/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	8mg/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	8mg/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	8mg/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	8mg/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm
558	Oxacilin	1	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1g	Tiêm	Thuốc tiêm
559	Oxacilin	1	250mg	Uống	Viên nang
		2	250mg	Uống	Viên nang
		3	250mg	Uống	Viên nang
		4	250mg	Uống	Viên nang
		5	250mg	Uống	Viên nang
560	Oxaliplatin	1	100mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	100mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	100mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	100mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	100mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
561	Oxytocin	1	5UI	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	5UI	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	5UI	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	5UI	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	5UI	Tiêm	Thuốc tiêm
		1	10UI/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	10UI/ml	Tiêm	Thuốc tiêm

562	Oxytocin	3	10UI/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	10UI/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	10UI/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
563	Paclitaxel	1	260mg/43,33ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	260mg/43,33ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	260mg/43,33ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	260mg/43,33ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	260mg/43,33ml	Tiêm	Thuốc tiêm
564	Paclitaxel	1	30mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	30mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	30mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	30mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	30mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
565	Pantoprazol (*)	3	40mg	Uống	Viên bao tan ở ruột
		4	40mg	Uống	Viên bao tan ở ruột
		5	40mg	Uống	Viên bao tan ở ruột
566	Pantoprazol (*)	3	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm
567	Papaverin	1	40mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	40mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	40mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	40mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	40mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
568	Paracetamol	1	500mg	Uống	Viên
		2	500mg	Uống	Viên
		3	500mg	Uống	Viên
		4	500mg	Uống	Viên
		5	500mg	Uống	Viên
569	Paracetamol	1	500mg	Uống	Viên sủi
		2	500mg	Uống	Viên sủi
		3	500mg	Uống	Viên sủi
		4	500mg	Uống	Viên sủi
		5	500mg	Uống	Viên sủi
570	Paracetamol	1	325mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	325mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	325mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống

		4	325mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	325mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
571	Paracetamol	1	300mg	Đặt hậu môn	Viên
		2	300mg	Đặt hậu môn	Viên
		3	300mg	Đặt hậu môn	Viên
		4	300mg	Đặt hậu môn	Viên
		5	300mg	Đặt hậu môn	Viên
572	Paracetamol	1	250mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	250mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	250mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	250mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	250mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
573	Paracetamol	1	150mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	150mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	150mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	150mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	150mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
574	Paracetamol	1	150mg	Đặt hậu môn	Viên
		2	150mg	Đặt hậu môn	Viên
		3	150mg	Đặt hậu môn	Viên
		4	150mg	Đặt hậu môn	Viên
		5	150mg	Đặt hậu môn	Viên
575	Paracetamol	1	80mg	Đặt hậu môn	Viên
		2	80mg	Đặt hậu môn	Viên
		3	80mg	Đặt hậu môn	Viên
		4	80mg	Đặt hậu môn	Viên

		5	80mg	Đặt hậu môn	Viên
576	Paracetamol	1	80mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	80mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	80mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	80mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	80mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
577	Paracetamol	1	80mg/2,5ml x 60ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		2	80mg/2,5ml x 60ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		3	80mg/2,5ml x 60ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		4	80mg/2,5ml x 60ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
		5	80mg/2,5ml x 60ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống
578	Paracetamol (*)	3	1g/100ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1g/100ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1g/100ml	Tiêm	Thuốc tiêm
579	Paracetamol + Codein phosphat	1	500mg + 15mg	Uống	Viên sủi
		2	500mg + 15mg	Uống	Viên
		3	500mg + 15mg	Uống	Viên
		4	500mg + 15mg	Uống	Viên
		5	500mg + 15mg	Uống	Viên
580	Paracetamol + Codein phosphat	1	500mg + 10mg	Uống	Viên sủi
		2	500mg + 10mg	Uống	Viên sủi
		3	500mg + 10mg	Uống	Viên sủi
		4	500mg + 10mg	Uống	Viên sủi
		5	500mg + 10mg	Uống	Viên sủi
581	Paracetamol + Chlorpheniramin	1	100mg + 2mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	100mg + 2mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	100mg + 2mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	100mg + 2mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	100mg + 2mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống

582	Paracetamol + Chlorpheniramin	1	250mg + 2mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	250mg + 2mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	250mg + 2mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	250mg + 2mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	250mg + 2mg	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
583	Paracetamol + Chlorpheniramin	1	500mg + 2mg	Uống	Viên sủi
		2	500mg + 2mg	Uống	Viên sủi
		3	500mg + 2mg	Uống	Viên sủi
		4	500mg + 2mg	Uống	Viên sủi
		5	500mg + 2mg	Uống	Viên sủi
584	Paracetamol + Chlorpheniramin	1	(325mg + 2mg)/3g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	(325mg + 2mg)/3g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	(325mg + 2mg)/3g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	(325mg + 2mg)/3g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	(325mg + 2mg)/3g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
585	Paracetamol + Chlorpheniramin	1	325mg + 2mg	Uống	Viên
		2	325mg + 2mg	Uống	Viên
		3	325mg + 2mg	Uống	Viên
		4	325mg + 2mg	Uống	Viên
		5	325mg + 2mg	Uống	Viên
586	Paracetamol + Methocarbamol	1	300mg + 380mg	Uống	Viên
		2	300mg + 380mg	Uống	Viên
		3	300mg + 380mg	Uống	Viên
		4	300mg + 380mg	Uống	Viên
		5	300mg + 380mg	Uống	Viên
587	Paracetamol + Tramadol (*)	3	325mg + 37,5mg	Uống	Viên
		4	325mg + 37,5mg	Uống	Viên
		5	325mg + 37,5mg	Uống	Viên
588	Pemetrexed (*)	**3**	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
		4	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
		5	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
589	Perindopril	1	5mg	Uống	Viên
		2	5mg	Uống	Viên
		3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
590	Perindopril	1	4mg	Uống	Viên
		2	4mg	Uống	Viên
		3	4mg	Uống	Viên
		4	4mg	Uống	Viên

		5	4mg	Uống	Viên
591	Perindopril + Amlodipin	1	4mg + 5mg	Uống	Viên
		2	4mg + 5mg	Uống	Viên
		3	4mg + 5mg	Uống	Viên
		4	4mg + 5mg	Uống	Viên
		5	4mg + 5mg	Uống	Viên
592	Perindopril + Amlodipin	1	4mg + 10mg	Uống	Viên
		2	4mg + 10mg	Uống	Viên
		3	4mg + 10mg	Uống	Viên
		4	4mg + 10mg	Uống	Viên
		5	4mg + 10mg	Uống	Viên
593	Perindopril + Amlodipin	1	3,5mg + 2,5mg	Uống	Viên
		2	3,5mg + 2,5mg	Uống	Viên
		3	3,5mg + 2,5mg	Uống	Viên
		4	3,5mg + 2,5mg	Uống	Viên
		5	3,5mg + 2,5mg	Uống	Viên
594	Perindopril + Amlodipin	1	7mg + 5mg	Uống	Viên
		2	7mg + 5mg	Uống	Viên
		3	7mg + 5mg	Uống	Viên
		4	7mg + 5mg	Uống	Viên
		5	7mg + 5mg	Uống	Viên
595	Perindopril + Indapamid	1	5mg + 1,25mg	Uống	Viên
		2	5mg + 1,25mg	Uống	Viên
		3	5mg + 1,25mg	Uống	Viên
		4	5mg + 1,25mg	Uống	Viên
		5	5mg + 1,25mg	Uống	Viên
596	Perindopril + Indapamid	1	4mg + 1,25mg	Uống	Viên
		2	4mg + 1,25mg	Uống	Viên
		3	4mg + 1,25mg	Uống	Viên
		4	4mg + 1,25mg	Uống	Viên
		5	4mg + 1,25mg	Uống	Viên
597	Pethidin	1	50mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	50mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	50mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	50mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	50mg/ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
598	Piperacilin + Tazobactam	1	2g + 0,25g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	2g + 0,25g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	2g + 0,25g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	2g + 0,25g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	2g + 0,25g	Tiêm	Thuốc tiêm
599	Piperacilin + Tazobactam	1	3g + 0,375g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	3g + 0,375g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	3g + 0,375g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	3g + 0,375g	Tiêm	Thuốc tiêm

		5	3g + 0,375g	Tiêm	Thuốc tiêm
600	Piracetam	1	1200mg	Uống	Viên
		2	1200mg	Uống	Viên
		3	1200mg	Uống	Viên
		4	1200mg	Uống	Viên
		5	1200mg	Uống	Viên
601	Piracetam (*)	3	800mg	Uống	Viên
		4	800mg	Uống	Viên
		5	800mg	Uống	Viên
602	Piroxicam	1	10mg	Uống	Viên
		2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên
		5	10mg	Uống	Viên
603	Polyethylen glycol + Propylen glycol	1	(0,4% + 0,3%) x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	(0,4% + 0,3%) x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	(0,4% + 0,3%) x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	(0,4% + 0,3%) x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	(0,4% + 0,3%) x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
604	Povidon iodin	1	10% x 140ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	10% x 140ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	10% x 140ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	10% x 140ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	10% x 140ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
605	Povidon iodin	1	4% x 500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	4% x 500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	4% x 500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	4% x 500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	4% x 500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
606	Povidon iodin	1	10% x 500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	10% x 500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	10% x 500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	10% x 500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	10% x 500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		1	10% x 90ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài

607	Povidon iodin	2	10% x 90ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	10% x 90ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	10% x 90ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	10% x 90ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
608	Pralidoxim	1	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm
609	Pravastatin	1	5mg	Uống	Viên
		2	5mg	Uống	Viên
		3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
610	Pravastatin	1	10mg	Uống	Viên
		2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên
		5	10mg	Uống	Viên
611	Praziquantel	1	600mg	Uống	Viên
		2	600mg	Uống	Viên
		3	600mg	Uống	Viên
		4	600mg	Uống	Viên
		5	600mg	Uống	Viên
612	Prednisolon	1	5mg	Uống	Viên sủi
		2	5mg	Uống	Viên sủi
		3	5mg	Uống	Viên sủi
		4	5mg	Uống	Viên sủi
		5	5mg	Uống	Viên sủi
613	Prednisolon	1	20mg	Uống	Viên
		2	20mg	Uống	Viên
		3	20mg	Uống	Viên
		4	20mg	Uống	Viên
		5	20mg	Uống	Viên
614	Prednisolon acetat	1	1% w/v (10mg/ml)	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	1% w/v (10mg/ml)	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	1% w/v (10mg/ml)	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	1% w/v (10mg/ml)	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	1% w/v (10mg/ml)	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt

615	Pregabalin (*)	3	75mg	Uống	Viên
		4	75mg	Uống	Viên
		5	75mg	Uống	Viên
616	Pregabalin	1	100mg	Uống	Viên nang cứng
		2	100mg	Uống	Viên nang cúng
		3	100mg	Uống	Viên nang cúng
		4	100mg	Uống	Viên nang cúng
		5	100mg	Uống	Viên nang cúng
617	Probenecid	1	500mg	Uống	Viên
		2	500mg	Uống	Viên
		3	500mg	Uống	Viên
		4	500mg	Uống	Viên
		5	500mg	Uống	Viên
618	Progesteron	1	200mg	Đặt âm đạo	Viên nang mềm
		2	200mg	Đặt âm đạo	Viên nang mềm
		3	200mg	Đặt âm đạo	Viên nang mềm
		4	200mg	Đặt âm đạo	Viên nang mềm
		5	200mg	Đặt âm đạo	Viên nang mềm
619	Progesteron	1	100mg	Uống	Viên
		2	100mg	Uống	Viên
		3	100mg	Uống	Viên
		4	100mg	Uống	Viên
		5	100mg	Uống	Viên
620	Progesteron	1	25mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	25mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	25mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	25mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	25mg	Tiêm	Thuốc tiêm
621	Proparacain hydroclorid	1	0,5% x 15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	0,5% x 15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	0,5% x 15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	0,5% x 15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	0,5% x 15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
622	Propofol	1	10mg/ml x 20ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	10mg/ml x 20ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	10mg/ml x 20ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	10mg/ml x 20ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	10mg/ml x 20ml	Tiêm	Thuốc tiêm

623	Propranolol hydroclorid	1	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
624	Propylthiouracil	1	100mg	Uống	Viên
		2	100mg	Uống	Viên
		3	100mg	Uống	Viên
		4	100mg	Uống	Viên
		5	100mg	Uống	Viên
625	Phenobarbital	1	100mg	Uống	Viên
		2	100mg	Uống	Viên
		3	100mg	Uống	Viên
		4	100mg	Uống	Viên
		5	100mg	Uống	Viên
626	Phenobarbital	1	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm
627	Phenoxy methylpenicilin	1	400.000 IU	Uống	Viên
		2	400.000 IU	Uống	Viên
		3	400.000 IU	Uống	Viên
		4	400.000 IU	Uống	Viên
		5	400.000 IU	Uống	Viên
628	Phenylephrin	1	50mcg/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	50mcg/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	50mcg/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	50mcg/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	50mcg/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
629	Phytomenadion (vitamin K1)	1	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
630	Phytomenadion (vitamin K1)	1	10mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	10mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	10mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	10mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	10mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
631	Rabeprazol	1	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
		2	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
		3	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
		4	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô

		5	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
632	Ramipril	1	5mg	Uống	Viên
		2	5mg	Uống	Viên
		3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
633	Ramipril	1	2,5mg	Uống	Viên nang
		2	2,5mg	Uống	Viên nang
		3	2,5mg	Uống	Viên nang
		4	2,5mg	Uống	Viên nang
		5	2,5mg	Uống	Viên nang
634	Ramipril	1	2,5 mg	Uống	Viên
		2	2,5 mg	Uống	Viên
		3	2,5 mg	Uống	Viên
		4	2,5 mg	Uống	Viên
		5	2,5 mg	Uống	Viên
635	Rebamipid	1	100mg	Uống	Viên
		2	100mg	Uống	Viên
		3	100mg	Uống	Viên
		4	100mg	Uống	Viên
		5	100mg	Uống	Viên
636	Repaglinid	1	1mg	Uống	Viên
		2	1mg	Uống	Viên
		3	1mg	Uống	Viên
		4	1mg	Uống	Viên
		5	1mg	Uống	Viên
637	Repaglinid	1	2mg	Uống	Viên
		2	2mg	Uống	Viên
		3	2mg	Uống	Viên
		4	2mg	Uống	Viên
		5	2mg	Uống	Viên
638	Ribavirin	1	400mg	Uống	Viên
		2	400mg	Uống	Viên
		3	400mg	Uống	Viên
		4	400mg	Uống	Viên
		5	400mg	Uống	Viên
639	Ringer and Dextro (Ringer lactat + Glucose)	1	500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
640	Ringer lactat	1	500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền

		4	500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
641	Risedronat	1	35mg	Uống	Viên
		2	35mg	Uống	Viên
		3	35mg	Uống	Viên
		4	35mg	Uống	Viên
		5	35mg	Uống	Viên
642	Risedronat natri	1	35mg	Uống	Viên
		2	35mg	Uống	Viên
		3	35mg	Uống	Viên
		4	35mg	Uống	Viên
		5	35mg	Uống	Viên
643	Risperidon	1	1mg	Uống	Viên phân tán
		2	1mg	Uống	Viên phân tán
		3	1mg	Uống	Viên phân tán
		4	1mg	Uống	Viên phân tán
		5	1mg	Uống	Viên phân tán
644	Risperidon	1	2mg	Uống	Viên phân tán
		2	2mg	Uống	Viên phân tán
		3	2mg	Uống	Viên phân tán
		4	2mg	Uống	Viên phân tán
		5	2mg	Uống	Viên phân tán
645	Risperidon	1	2mg	Uống	Viên
		2	2mg	Uống	Viên
		3	2mg	Uống	Viên
		4	2mg	Uống	Viên
		5	2mg	Uống	Viên
646	Rituximab	1	100mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	100mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	100mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	100mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	100mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
647	Rivaroxaban	1	10mg	Uống	Viên
		2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên
		5	10mg	Uống	Viên
648	Rivaroxaban	1	15mg	Uống	Viên
		2	15mg	Uống	Viên
		3	15mg	Uống	Viên
		4	15mg	Uống	Viên
		5	15mg	Uống	Viên
		1	50mg/5ml x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	50mg/5ml x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm

649	Rocuronium bromid	3	50mg/5ml x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	50mg/5ml x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	50mg/5ml x 5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
650	Rotundin	1	60mg	Uống	Viên
		2	60mg	Uống	Viên
		3	60mg	Uống	Viên
		4	60mg	Uống	Viên
		5	60mg	Uống	Viên
651	Roxithromycin	1	150mg	Uống	Viên
		2	150mg	Uống	Viên
		3	150mg	Uống	Viên
		4	150mg	Uống	Viên
		5	150mg	Uống	Viên
652	Salbutamol	1	0,5mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	0,5mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	0,5mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	0,5mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	0,5mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
653	Salbutamol + Ipratropium	1	(2,5mg + 0,5mg)/2,5ml	Khí dung	Dung dịch/Hỗn dịch khí dung
		2	(2,5mg + 0,5mg)/2,5ml	Khí dung	Dung dịch/Hỗn dịch khí dung
		3	(2,5mg + 0,5mg)/2,5ml	Khí dung	Dung dịch/Hỗn dịch khí dung
		4	(2,5mg + 0,5mg)/2,5ml	Khí dung	Dung dịch/Hỗn dịch khí dung
		5	(2,5mg + 0,5mg)/2,5ml	Khí dung	Dung dịch/Hỗn dịch khí dung
654	Salbutamol sulfat	1	100mcg/liều xịt x 200 liều	Xịt mũi, đường hô hấp	Dung dịch/ hỗn dịch khí dung
		2	100mcg/liều xịt x 200 liều	Xịt mũi, đường hô hấp	Dung dịch/ hỗn dịch khí dung
		3	100mcg/liều xịt x 200 liều	Xịt mũi, đường hô hấp	Dung dịch/ hỗn dịch khí dung
		4	100mcg/liều xịt x 200 liều	Xịt mũi, đường hô hấp	Dung dịch/ hỗn dịch khí dung
		5	100mcg/liều xịt x 200 liều	Xịt mũi, đường hô hấp	Dung dịch/ hỗn dịch khí dung
		1	2mg/5ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống

655	Salbutamol sulfat	2	2mg/5ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		3	2mg/5ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		4	2mg/5ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		5	2mg/5ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
656	Salbutamol sulfat	1	2mg/5ml x 100ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		2	2mg/5ml x 100ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		3	2mg/5ml x 100ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		4	2mg/5ml x 100ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		5	2mg/5ml x 100ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
657	Salbutamol sulfat	1	5mg/2,5ml	Khí dung	Dung dịch/Hỗn dịch khí dung
		2	5mg/2,5ml	Khí dung	Dung dịch/Hỗn dịch khí dung
		3	5mg/2,5ml	Khí dung	Dung dịch/Hỗn dịch khí dung
		4	5mg/2,5ml	Khí dung	Dung dịch/Hỗn dịch khí dung
		5	5mg/2,5ml	Khí dung	Dung dịch/Hỗn dịch khí dung
658	Salbutamol sulfat	1	2,5mg/2,5ml	Khí dung	Dung dịch/Hỗn dịch khí dung
		2	2,5mg/2,5ml	Khí dung	Dung dịch/Hỗn dịch khí dung
		3	2,5mg/2,5ml	Khí dung	Dung dịch/Hỗn dịch khí dung

		4	2,5mg/2,5ml	Khí dung	Dung dịch/Hỗn dịch khí dung
		5	2,5mg/2,5ml	Khí dung	Dung dịch/Hỗn dịch khí dung
659	Salmeterol + Fluticason	1	(25mcg + 125mcg)/liều xịt	Khí dung, dạng hít	Thuốc hít định liều/Phun mù định liều
		2	(25mcg + 125mcg)/liều xịt	Khí dung, dạng hít	Thuốc hít định liều/Phun mù định liều
		3	(25mcg + 125mcg)/liều xịt	Khí dung, dạng hít	Thuốc hít định liều/Phun mù định liều
		4	(25mcg + 125mcg)/liều xịt	Khí dung, dạng hít	Thuốc hít định liều/Phun mù định liều
		5	(25mcg + 125mcg)/liều xịt	Khí dung, dạng hít	Thuốc hít định liều/Phun mù định liều
660	Sắt (dưới dạng sắt II gluconat) + Mangan (dưới dạng gluconat dihydrat) + Đồng (dưới dạng Đồng gluconat)	1	300mg + 7,98mg + 4,2mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		2	300mg + 7,98mg + 4,2mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		3	300mg + 7,98mg + 4,2mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		4	300mg + 7,98mg + 4,2mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		5	300mg + 7,98mg + 4,2mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
661	Sắt clorid + kẽm clorid + mangan clorid + đồng clorid + crôm clorid + natri molypdat dihydrat + natri selenid pentahydrat + natri	1	6,958mg + 6,815mg + 1,979mg + 2,046mg + 0,053mg + 0,0242mg + 0,0789mg + 1,260mg + 0,166mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	6,958mg + 6,815mg + 1,979mg + 2,046mg + 0,053mg + 0,0242mg + 0,0789mg + 1,260mg + 0,166mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	6,958mg + 6,815mg + 1,979mg + 2,046mg + 0,053mg + 0,0242mg + 0,0789mg + 1,260mg + 0,166mg	Tiêm	Thuốc tiêm

	fluorid + kali iodid	4	6,958mg + 6,815mg + 1,979mg + 2,046mg + 0,053mg + 0,0242mg + 0,0789mg + 1,260mg + 0,166mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	6,958mg + 6,815mg + 1,979mg + 2,046mg + 0,053mg + 0,0242mg + 0,0789mg + 1,260mg + 0,166mg	Tiêm	Thuốc tiêm
662	Sắt Fumarat + Acid folic	1	310mg + 350mcg	Uống	Viên
		2	310mg + 350mcg	Uống	Viên
		3	310mg + 350mcg	Uống	Viên
		4	310mg + 350mcg	Uống	Viên
		5	310mg + 350mcg	Uống	Viên
663	Sắt Fumarat + Acid folic	1	305mg + 350mcg	Uống	Viên
		2	305mg + 350mcg	Uống	Viên
		3	305mg + 350mcg	Uống	Viên
		4	305mg + 350mcg	Uống	Viên
		5	305mg + 350mcg	Uống	Viên
664	Sắt Fumarat + Acid folic	1	162mg + 750mcg	Uống	Viên nang
		2	162mg + 750mcg	Uống	Viên nang
		3	162mg + 750mcg	Uống	Viên nang
		4	162mg + 750mcg	Uống	Viên nang
		5	162mg + 750mcg	Uống	Viên nang
665	Sắt gluconat + Mangan gluconat + Đồng gluconat	1	(431,68mg + 11,65mg + 5mg)/10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		2	(431,68mg + 11,65mg + 5mg)/10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		3	(431,68mg + 11,65mg + 5mg)/10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		4	(431,68mg + 11,65mg + 5mg)/10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		5	(431,68mg + 11,65mg + 5mg)/10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
666	Sắt gluconat + Đồng gluconat + Mangan gluconat	1	399mg + 5mg + 10,77mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		2	399mg + 5mg + 10,77mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		3	399mg + 5mg + 10,77mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
		4	399mg + 5mg + 10,77mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ

		5	399mg + 5mg + 10,77mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch uống dịch/Nhũ
667	Sertralin	1	100mg	Uống	Viên
		2	100mg	Uống	Viên
		3	100mg	Uống	Viên
		4	100mg	Uống	Viên
		5	100mg	Uống	Viên
668	Sevofluran	1	250ml	Đường hô hấp, khí dung	Dung dịch gây mê đường hô hấp
		2	250ml	Đường hô hấp, khí dung	Dung dịch gây mê đường hô hấp
		3	250ml	Đường hô hấp, khí dung	Dung dịch gây mê đường hô hấp
		4	250ml	Đường hô hấp, khí dung	Dung dịch gây mê đường hô hấp
		5	250ml	Đường hô hấp, khí dung	Dung dịch gây mê đường hô hấp
669	Silymarin	1	90mg	Uống	Viên
		2	90mg	Uống	Viên
		3	90mg	Uống	Viên
		4	90mg	Uống	Viên
		5	90mg	Uống	Viên
670	Simethicon	1	125mg	Uống	Viên nang mềm
		2	125mg	Uống	Viên nang mềm
		3	125mg	Uống	Viên nang mềm
		4	125mg	Uống	Viên nang mềm
		5	125mg	Uống	Viên nang mềm
671	Simvastatin	1	20mg	Uống	Viên
		2	20mg	Uống	Viên
		3	20mg	Uống	Viên
		4	20mg	Uống	Viên
		5	20mg	Uống	Viên
672	Sitagliptin	1	25mg	Uống	Viên
		2	25mg	Uống	Viên
		3	25mg	Uống	Viên
		4	25mg	Uống	Viên
		5	25mg	Uống	Viên
673	Sorbitol	1	3,3% x 1000ml	Dung dịch rửa	Thuốc dùng ngoài
		2	3,3% x 1000ml	Dung dịch rửa	Thuốc dùng ngoài
		3	3,3% x 1000ml	Dung dịch rửa	Thuốc dùng ngoài
		4	3,3% x 1000ml	Dung dịch rửa	Thuốc dùng ngoài
		5	3,3% x 1000ml	Dung dịch rửa	Thuốc dùng ngoài

674	Sorbitol	1	5g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		2	5g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		3	5g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		4	5g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
		5	5g	Uống	Bột/Cốm/Hạt pha uống
675	Spiramycin	1	3 MIU	Uống	Viên
		2	3 MIU	Uống	Viên
		3	3 MIU	Uống	Viên
		4	3 MIU	Uống	Viên
		5	3 MIU	Uống	Viên
676	Spiramycin + Metronidazol	1	750.000UI + 125mg	Uống	Viên
		2	750.000UI + 125mg	Uống	Viên
		3	750.000UI + 125mg	Uống	Viên
		4	750.000UI + 125mg	Uống	Viên
		5	750.000UI + 125mg	Uống	Viên
677	Spironolacton	1	25mg	Uống	Viên
		2	25mg	Uống	Viên
		3	25mg	Uống	Viên
		4	25mg	Uống	Viên
		5	25mg	Uống	Viên
678	Spironolacton + Furosemid	1	50mg + 20mg	Uống	Viên
		2	50mg + 20mg	Uống	Viên
		3	50mg + 20mg	Uống	Viên
		4	50mg + 20mg	Uống	Viên
		5	50mg + 20mg	Uống	Viên
679	Sucralfat	1	1,5g	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		2	1,5g	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		3	1,5g	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		4	1,5g	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		5	1,5g	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
680	Sulfadiazin bạc	1	20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài

		5	20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
681	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	1	800mg + 160mg	Uống	Viên
		2	800mg + 160mg	Uống	Viên
		3	800mg + 160mg	Uống	Viên
		4	800mg + 160mg	Uống	Viên
		5	800mg + 160mg	Uống	Viên
682	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	1	200mg + 40mg	Uống	Viên
		2	200mg + 40mg	Uống	Viên
		3	200mg + 40mg	Uống	Viên
		4	200mg + 40mg	Uống	Viên
		5	200mg + 40mg	Uống	Viên
683	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	1	400mg + 80mg	Uống	Viên
		2	400mg + 80mg	Uống	Viên
		3	400mg + 80mg	Uống	Viên
		4	400mg + 80mg	Uống	Viên
		5	400mg + 80mg	Uống	Viên
684	Sulpirid	1	50mg	Uống	Viên
		2	50mg	Uống	Viên
		3	50mg	Uống	Viên
		4	50mg	Uống	Viên
		5	50mg	Uống	Viên
685	Sulpirid	1	100mg	Uống	Viên
		2	100mg	Uống	Viên
		3	100mg	Uống	Viên
		4	100mg	Uống	Viên
		5	100mg	Uống	Viên
686	Surfactant (Phospholipid chiết xuất từ phổi lợn)	1	120mg/1,5ml	Đường nội khí quản	Dung dịch/ dung hỗn dịch khí
		2	120mg/1,5ml	Đường nội khí quản	Dung dịch/ dung hỗn dịch khí
		3	120mg/1,5ml	Đường nội khí quản	Dung dịch/ dung hỗn dịch khí
		4	120mg/1,5ml	Đường nội khí quản	Dung dịch/ dung hỗn dịch khí
		5	120mg/1,5ml	Đường nội khí quản	Dung dịch/ dung hỗn dịch khí
687	Suxamethonium clorid	1	100mg/2ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	100mg/2ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	100mg/2ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	100mg/2ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	100mg/2ml x 2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
688	Tacrolimus	1	0,1%/10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	0,1%/10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	0,1%/10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	0,1%/10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài

		5	0,1%/10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
689	Tacrolimus	1	5mg/5g x 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		2	5mg/5g x 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		3	5mg/5g x 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		4	5mg/5g x 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
		5	5mg/5g x 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài
690	Tafluprost	1	0,015mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	0,015mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	0,015mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	0,015mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	0,015mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
691	Tamoxifen	1	20mg	Uống	Viên
		2	20mg	Uống	Viên
		3	20mg	Uống	Viên
		4	20mg	Uống	Viên
		5	20mg	Uống	Viên
692	Tamsulosine hydroclorid	1	0,4mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		2	0,4mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		3	0,4mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		4	0,4mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
		5	0,4mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát
693	Tegafur-uracil	1	100mg + 224mg	Uống	Viên nang
		2	100mg + 224mg	Uống	Viên nang
		3	100mg + 224mg	Uống	Viên nang
		4	100mg + 224mg	Uống	Viên nang
		5	100mg + 224mg	Uống	Viên nang
694	Telmisartan + Hydroclorothiazid	1	80mg + 12,5mg	Uống	Viên
		2	80mg + 12,5mg	Uống	Viên
		3	80mg + 12,5mg	Uống	Viên
		4	80mg + 12,5mg	Uống	Viên
		5	80mg + 12,5mg	Uống	Viên
695	Telmisartan + Hydroclorothiazid	1	40mg + 12,5mg	Uống	Viên
		2	40mg + 12,5mg	Uống	Viên
		3	40mg + 12,5mg	Uống	Viên
		4	40mg + 12,5mg	Uống	Viên
		5	40mg + 12,5mg	Uống	Viên
		1	300mg	Uống	Viên

696	Tenofovir disoprosil fumarat	2	300mg	Uống	Viên
		3	300mg	Uống	Viên
		4	300mg	Uống	Viên
		5	300mg	Uống	Viên
697	Tenoxicam	1	20mg	Uống	Viên
		2	20mg	Uống	Viên
		3	20mg	Uống	Viên
		4	20mg	Uống	Viên
		5	20mg	Uống	Viên
698	Terbinafin hydroclorid	1	10mg/1ml x 20ml	Xịt ngoài da	Thuốc dùng ngoài
		2	10mg/1ml x 20ml	Xịt ngoài da	Thuốc dùng ngoài
		3	10mg/1ml x 20ml	Xịt ngoài da	Thuốc dùng ngoài
		4	10mg/1ml x 20ml	Xịt ngoài da	Thuốc dùng ngoài
		5	10mg/1ml x 20ml	Xịt ngoài da	Thuốc dùng ngoài
699	Terbutalin	1	0,5mg/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	0,5mg/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	0,5mg/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	0,5mg/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	0,5mg/ml x 1ml	Tiêm	Thuốc tiêm
700	Terbutalin	1	0,5mg/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	0,5mg/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	0,5mg/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	0,5mg/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	0,5mg/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm
701	Terlipressin	1	1mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1mg	Tiêm	Thuốc tiêm
702	Tetracyclin	1	1% x 5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt
		2	1% x 5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt
		3	1% x 5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt
		4	1% x 5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt
		5	1% x 5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt
703	Ticagrelor	1	90mg	Uống	Viên
		2	90mg	Uống	Viên
		3	90mg	Uống	Viên
		4	90mg	Uống	Viên

		5	90mg	Uống	Viên
704	Ticarcillin + Acid clavulanic	1	3g + 0,2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	3g + 0,2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	3g + 0,2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	3g + 0,2g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	3g + 0,2g	Tiêm	Thuốc tiêm
705	Ticarcillin + Acid clavulanic	1	1,5g + 0,1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1,5g + 0,1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1,5g + 0,1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1,5g + 0,1g	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1,5g + 0,1g	Tiêm	Thuốc tiêm
706	Timolol maleat	1	0,5% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	0,5% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	0,5% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	0,5% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	0,5% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
707	Tinidazol	1	500mg/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	500mg/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	500mg/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	500mg/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	500mg/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
708	Tinidazol	1	500mg	Uống	Viên
		2	500mg	Uống	Viên
		3	500mg	Uống	Viên
		4	500mg	Uống	Viên
		5	500mg	Uống	Viên
709	Tinh bột este hóa (hydroxyethyl starch)	1	500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
710	Tizanidin hydroclorid	1	4mg	Uống	Viên
		2	4mg	Uống	Viên
		3	4mg	Uống	Viên
		4	4mg	Uống	Viên
		5	4mg	Uống	Viên
711	Tobramycin	1	0,3% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	0,3% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	0,3% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	0,3% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	0,3% x 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		1	80mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	80mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm

712	Tobramycin	3	80mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	80mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	80mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
713	Tobramycin + Dexamethason	1	(0,3% + 0,1%)/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	(0,3% + 0,1%)/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	(0,3% + 0,1%)/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	(0,3% + 0,1%)/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	(0,3% + 0,1%)/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
714	Tobramycin + Dexamethason	1	(0,3% + 0,1%)/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	(0,3% + 0,1%)/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	(0,3% + 0,1%)/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	(0,3% + 0,1%)/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	(0,3% + 0,1%)/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
715	Tobramycin + Dexamethason	1	0,3 % + 0,1%	Tra mắt	Thuốc tra mắt
		2	0,3 % + 0,1%	Tra mắt	Thuốc tra mắt
		3	0,3 % + 0,1%	Tra mắt	Thuốc tra mắt
		4	0,3 % + 0,1%	Tra mắt	Thuốc tra mắt
		5	0,3 % + 0,1%	Tra mắt	Thuốc tra mắt
716	Tolperison	1	150mg	Uống	Viên
		2	150mg	Uống	Viên
		3	150mg	Uống	Viên
		4	150mg	Uống	Viên
		5	150mg	Uống	Viên
717	Thiamazol	1	5mg	Uống	Viên
		2	5mg	Uống	Viên
		3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
718	Thiamazol	1	10mg	Uống	Viên
		2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên
		5	10mg	Uống	Viên
719	Thiamin nitrat (Vitamin B1) + Pyridoxin HCl (Vitamin B6) + Cyanocobalamin (Vitamin B12)	1	125mg + 125mg + 250mcg	Uống	Viên
		2	125mg + 125mg + 250mcg	Uống	Viên
		3	125mg + 125mg + 250mcg	Uống	Viên
		4	125mg + 125mg + 250mcg	Uống	Viên
		5	125mg + 125mg + 250mcg	Uống	Viên
720	Tranexamic acid	1	500mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	500mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	500mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	500mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	500mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
721	Tranexamic acid	1	250mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	250mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	250mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	250mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	250mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		1	500mg	Uống	Viên bao tan ở ruột

722	Tranexamic acid	2	500mg	Uống	Viên bao tan ở ruột
		3	500mg	Uống	Viên bao tan ở ruột
		4	500mg	Uống	Viên bao tan ở ruột
		5	500mg	Uống	Viên bao tan ở ruột
723	Trastuzumab	1	150mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô
		2	150mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô
		3	150mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô
		4	150mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô
		5	150mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô
724	Travoprost	1	0,004% x 2,5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	0,004% x 2,5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	0,004% x 2,5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	0,004% x 2,5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	0,004% x 2,5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
725	Triamcinolon acetonid	1	80mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	80mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	80mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	80mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	80mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm
726	Triclabendazol	1	250mg	Uống	Viên
		2	250mg	Uống	Viên
		3	250mg	Uống	Viên
		4	250mg	Uống	Viên
		5	250mg	Uống	Viên
727	Trihexyphenidyl hydroclorid	1	2mg	Uống	Viên
		2	2mg	Uống	Viên
		3	2mg	Uống	Viên
		4	2mg	Uống	Viên
		5	2mg	Uống	Viên
728	Trimebutin maleat	1	100mg	Uống	Viên
		2	100mg	Uống	Viên
		3	100mg	Uống	Viên
		4	100mg	Uống	Viên
		5	100mg	Uống	Viên
729	Trimetazidin	1	35mg	Uống	Viên
		2	35mg	Uống	Viên
		3	35mg	Uống	Viên
		4	35mg	Uống	Viên
		5	35mg	Uống	Viên

730	Trimetazidin	1	20mg	Uống	Viên
		2	20mg	Uống	Viên
		3	20mg	Uống	Viên
		4	20mg	Uống	Viên
		5	20mg	Uống	Viên
731	Trimetazidin dihydrochloride	1	80mg	Uống	Viên nang
		2	80mg	Uống	Viên nang
		3	80mg	Uống	Viên nang
		4	80mg	Uống	Viên nang
		5	80mg	Uống	Viên nang
732	Tropicamide + Phenyl-ephrine hydroclorid	1	(0,5% + 0,5%)/10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		2	(0,5% + 0,5%)/10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		3	(0,5% + 0,5%)/10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		4	(0,5% + 0,5%)/10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
		5	(0,5% + 0,5%)/10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt
733	Ursodeoxycholic acid	1	150mg	Uống	Viên
		2	150mg	Uống	Viên
		3	150mg	Uống	Viên
		4	150mg	Uống	Viên
		5	150mg	Uống	Viên
734	Valproat Natri	1	200mg	Uống	Viên
		2	200mg	Uống	Viên
		3	200mg	Uống	Viên
		4	200mg	Uống	Viên
		5	200mg	Uống	Viên
735	Valsartan	1	40mg	Uống	Viên
		2	40mg	Uống	Viên
		3	40mg	Uống	Viên
		4	40mg	Uống	Viên
		5	40mg	Uống	Viên
736	Valsartan + Hydroclorothiazid	1	80mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim
		2	80mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim
		3	80mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim
		4	80mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim
		5	80mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim
737	Vancomycin	1	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm
738	Vancomycin	1	1000mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
		2	1000mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
		3	1000mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
		4	1000mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
		5	1000mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô
		1	50mg	Uống	Viên
		2	50mg	Uống	Viên

739	Vildagliptin	3	50mg	Uống	Viên
		4	50mg	Uống	Viên
		5	50mg	Uống	Viên
740	Vincristin sulfat	1	1mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1mg	Tiêm	Thuốc tiêm
741	Vinorelbin	1	10mg/1ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		2	10mg/1ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		3	10mg/1ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		4	10mg/1ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
		5	10mg/1ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền
742	Vinpocetin	1	5mg	Uống	Viên
		2	5mg	Uống	Viên
		3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
743	Vinpocetin	1	10mg	Uống	Viên
		2	10mg	Uống	Viên
		3	10mg	Uống	Viên
		4	10mg	Uống	Viên
		5	10mg	Uống	Viên
744	Vitamin A	1	5.000 UI	Uống	Viên
		2	5.000 UI	Uống	Viên
		3	5.000 UI	Uống	Viên
		4	5.000 UI	Uống	Viên
		5	5.000 UI	Uống	Viên
745	Vitamin A + D2	1	2.000 UI + 400 UI	Uống	Viên nang
		2	2.000 UI + 400 UI	Uống	Viên nang
		3	2.000 UI + 400 UI	Uống	Viên nang
		4	2.000 UI + 400 UI	Uống	Viên nang
		5	2.000 UI + 400 UI	Uống	Viên nang
746	Vitamin B1	1	100mg	Uống	Viên
		2	100mg	Uống	Viên
		3	100mg	Uống	Viên
		4	100mg	Uống	Viên
		5	100mg	Uống	Viên
747	Vitamin B1	1	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm

748	Vitamin B1 + B6 + B12	1	100mg + 100mg + 150mcg	Uống	Viên
		2	100mg + 100mg + 150mcg	Uống	Viên
		3	100mg + 100mg + 150mcg	Uống	Viên
		4	100mg + 100mg + 150mcg	Uống	Viên
		5	100mg + 100mg + 150mcg	Uống	Viên
749	Vitamin B1 + B6 + B12	1	125mg + 125mg + 500mcg	Uống	Viên
		2	125mg + 125mg + 500mcg	Uống	Viên
		3	125mg + 125mg + 500mcg	Uống	Viên
		4	125mg + 125mg + 500mcg	Uống	Viên
		5	125mg + 125mg + 500mcg	Uống	Viên
750	Vitamin B1 + B6 + B12	1	50mg + 250mg + 5000mcg	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	50mg + 250mg + 5000mcg	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	50mg + 250mg + 5000mcg	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	50mg + 250mg + 5000mcg	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	50mg + 250mg + 5000mcg	Tiêm	Thuốc tiêm
751	Vitamin B1 + B6 + B12	1	(100mg + 100mg + 1mg)/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	(100mg + 100mg + 1mg)/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	(100mg + 100mg + 1mg)/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	(100mg + 100mg + 1mg)/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	(100mg + 100mg + 1mg)/3ml	Tiêm	Thuốc tiêm
752	Vitamin B1 + Vitamin B2 + Vitamin B6 + Vitamin PP + Kẽm sulfat + Lysine HCl	1	26,7mg + 26,7mg + 26,7mg + 24mg + 40mg + 1200mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		2	26,7mg + 26,7mg + 26,7mg + 24mg + 40mg + 1200mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		3	26,7mg + 26,7mg + 26,7mg + 24mg + 40mg + 1200mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		4	26,7mg + 26,7mg + 26,7mg + 24mg + 40mg + 1200mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		5	26,7mg + 26,7mg + 26,7mg + 24mg + 40mg + 1200mg	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
753	Vitamin B12 (cyanocobalamin, hydroxocobalamin)	1	1000mcg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	1000mcg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	1000mcg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	1000mcg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	1000mcg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		1	50mg	Uống	Viên nang
		2	50mg	Uống	Viên nang

754	Vitamin B6	3	50mg	Uống	Viên nang
		4	50mg	Uống	Viên nang
		5	50mg	Uống	Viên nang
755	Vitamin C	1	500mg	Uống	Viên
		2	500mg	Uống	Viên
		3	500mg	Uống	Viên
		4	500mg	Uống	Viên
		5	500mg	Uống	Viên
756	Vitamin C	1	500mg	Uống	Viên sủi
		2	500mg	Uống	Viên sủi
		3	500mg	Uống	Viên sủi
		4	500mg	Uống	Viên sủi
		5	500mg	Uống	Viên sủi
757	Vitamin C	1	1g	Uống	Viên sủi
		2	1g	Uống	Viên sủi
		3	1g	Uống	Viên sủi
		4	1g	Uống	Viên sủi
		5	1g	Uống	Viên sủi
758	Vitamin C	1	100mg/5ml x 10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		2	100mg/5ml x 10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		3	100mg/5ml x 10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		4	100mg/5ml x 10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		5	100mg/5ml x 10ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
759	Vitamin C	1	100mg/5ml x 5ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		2	100mg/5ml x 5ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		3	100mg/5ml x 5ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		4	100mg/5ml x 5ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		5	100mg/5ml x 5ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
760	Vitamin C	1	500mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	500mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	500mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	500mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		5	500mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm

761	Vitamin D3	1	400UI/0,4ml x 12ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		2	400UI/0,4ml x 12ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		3	400UI/0,4ml x 12ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		4	400UI/0,4ml x 12ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
		5	400UI/0,4ml x 12ml	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống
762	Vitamin E	1	400UI	Uống	Viên nang mềm
		2	400UI	Uống	Viên nang mềm
		3	400UI	Uống	Viên nang mềm
		4	400UI	Uống	Viên nang mềm
		5	400UI	Uống	Viên nang mềm
763	Vitamin H	1	5mg	Uống	Viên
		2	5mg	Uống	Viên
		3	5mg	Uống	Viên
		4	5mg	Uống	Viên
		5	5mg	Uống	Viên
764	Vitamin PP	1	50mg	Uống	Viên
		2	50mg	Uống	Viên
		3	50mg	Uống	Viên
		4	50mg	Uống	Viên
		5	50mg	Uống	Viên
765	Vitamin PP	1	500mg	Uống	Viên
		2	500mg	Uống	Viên
		3	500mg	Uống	Viên
		4	500mg	Uống	Viên
		5	500mg	Uống	Viên
766	Xylometazolin hydrochlorid	1	1mg/ml	Xịt mũi	Dung dịch/Hỗn dịch khí dung
		2	1mg/ml	Xịt mũi	Dung dịch/Hỗn dịch khí dung
		3	1mg/ml	Xịt mũi	Dung dịch/Hỗn dịch khí dung
		4	1mg/ml	Xịt mũi	Dung dịch/Hỗn dịch khí dung
		5	1mg/ml	Xịt mũi	Dung dịch/Hỗn dịch khí dung
767	Zoledronic acid	1	4mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		2	4mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		3	4mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm
		4	4mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm

		5	4mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm

Ghi chú: Các thuốc đánh dấu (*), đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương chỉ tiến hành mua sắm tập tru
đáp ứng tiêu chí kỹ thuật nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 theo quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập

Danh mục 767/770 theo Quyết định 551/QĐUBND, trong đó có 02 DM trùng lắp số TT và 01 Danh mục có hàm l

DANH MỤC THUỐC HÓA DƯỢC BỆNH VIỆN TÂM THẦN TỈNH ĐĂNG KÝ DANH MỤC ĐẤU THẦU TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025-2026

(Ban hành kèm theo Công văn số 4322/SYT-NVYD ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Sở Y tế tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính	Gía kế hoạch (VND)	Số lượng thuốc sử dụng 9/2023 đến tháng 9/2024	Năm 2025					
			Qúy 1	Qúy 2	Qúy 3	Qúy 4	tổng năm 2025	Qúy 1
7	8	9	10	11	12	13	14	15
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Viên								
Viên		0	10000	10000	10000	10000	40000	12500
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Tuýp								

Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								

Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ Ống/Túi								
Chai/Túi								
Chai/Túi								
Chai/Túi								
Chai/Túi								

Chai/Túi								
Chai/Túi								
Chai/Túi								
Chai/Túi								
Chai/Túi								
Chai/Túi								
Chai/Lọ/ Túi								
Chai/Lọ/ Túi								
Chai/Lọ/ Túi								
Chai/Lọ/ Túi								
Chai/Lọ/ Túi								
Chai/Túi								
Chai/Túi								
Chai/Túi								
Chai/Túi								
Chai/Túi								
Chai/Túi								
Chai/Túi								
Chai/Túi								
Chai/Túi								
Chai/Túi								
Chai/Lọ/ Ống								

Chai/Lọ/Ống								
Chai/Lọ/Ống								
Chai/Lọ/Ống								
Chai/Lọ/Ống								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								

Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Chai/Lọ /Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		0	300	300	300	300	1200	300
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ /ống/Túi								
Chai/Lọ /ống/Túi								
Chai/Lọ /ống/Túi								
Chai/Lọ /ống/Túi								
Chai/Lọ /ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
ống								
Chai/Lọ /ống/Túi								
Chai/Lọ /ống/Túi								
Chai/Lọ /ống/Túi								
Chai/Lọ /ống/Túi								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Chai/Lọ/ Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		9264	5000	5000	5000	5000	20000	5000

Viên								
Viên			1000	1000	1000	1000	4000	1000
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		316	500	500	500	500	2000	500
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		0	500	500	500	500	2000	500
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Chai/Lọ/Ống/túi								
Chai/Lọ/Ống/túi								
Chai/Lọ/Ống/túi								
Chai/Lọ/Ống/túi								
Chai/Lọ/Ống/túi								
Chai/Lọ/Ống/túi								
Chai/Lọ/Ống/túi								
Chai/Lọ/Ống/túi								
Chai/Lọ/Ống/túi								
Chai/Lọ/Ống/túi								
Viên								
Viên								
Viên		0	1000	1000	1000	1000	4000	1000
Viên								
Viên								
Gói								
Gói								
Gói		0	50	50	50	50	200	50
Gói								
Gói								
Viên		0	200	200	200	200	800	200
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								

Gói								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Chai/lọ/ ống/túi								
Chai/lọ/ ống/túi								
Chai/lọ/ ống/túi								
Chai/lọ /ống/túi								
Chai/lọ /ống/túi								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống		0	50	50	50	50	200	50
Ống								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		0	500	500	500	500	2000	500
Viên								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Lọ/Bình								
Lọ/Bình								
Lọ/Bình								
Lọ/Bình								
Lọ/Bình								

Lọ/Bình								
Lọ/Bình								
Lọ/Bình								
Lọ/Bình								
Lọ/Bình								
Lọ/Bình								
Lọ/Bình								
Lọ/Bình								
Lọ/Bình								
Lọ/Bình								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		0	3000	3000	3000	3000	12000	3000
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								

Tuýp								
Tuýp								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Chai/Lọ/Ống								
Chai/Lọ/Ống								
Chai/Lọ/Ống								
Chai/Lọ/Ống								
Chai/Lọ/Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Chai/Lọ/Ống/Bình								
Chai/Lọ/Ống/Bình								
Chai/Lọ/Ống/Bình								
Chai/Lọ/Ống/Bình								
Chai/Lọ/Ống/Bình								
Chai/Lọ/Ống/Bình								

Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Ống/Bình								
Ống/Bình								
Ống/Bình								
Ống/Bình								
Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Viên		0	300	300	300	300	1200	300
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								

Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		0	500	500	500	500	2000	500
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		0	3000	3000	3000	3000	12000	3000
Viên								
Viên								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Gói								
Gói								

Gói								
Gói								
Gói								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Viên								
Viên								
Viên								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								

Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Lọ/ống								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Lọ/ống								
Lọ/ống								
Lọ/ống								
Lọ/ống								
Lọ/ống								
Lọ/ống								
Lọ/ống								
Lọ/ống								
Lọ/ống								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		0	500	500	500	500	2000	500
Viên								
Gói								
Gói								
Gói								

Gói								
Gói								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								

Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								

Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		0	500	500	500	500	2000	500
Viên								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								

Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		1001	250	250	250	250	1000	250
Viên			250	250	250	250	1000	250
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								

Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ Ống								
Chai/Lọ Ống								
Chai/Lọ /Ống								
Chai/Lọ /Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Ống								
Ống		1809	2000	2000	2000	2000	8000	2000
Ống								
Ống								
Ống								
Viên								
Viên		18.587	10.000	10.000	10.000	10.000	40.000	15.000
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/Ống								
Chai/Lọ/Ống								
Chai/Lọ/Ống								
Chai/Lọ/Ống								
Chai/Lọ/Ống								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								

Chai/Lọ /Ống/Túi								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		0	500	500	500	500	2000	500
Viên		0	500	500	500	500	2000	500
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								

Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống		1103	700	700	700	700	2800	700
Ống								
Ống								
Ống		0	300	300	300	300	1200	300
Ống								
Viên		2814	1500	1500	1500	1500	6000	2000
Viên								
Viên								
Viên		0	1000	1000	1000	1000	4000	1000
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Chai/Lọ /Ống/túi								
Chai/Lọ /Ống/túi								
Chai/Lọ /Ống/túi								
Chai/Lọ /Ống/túi								
Chai/Lọ /Ống/túi								
Chai/Lọ /Ống/túi								
Chai/Lọ /Ống/túi								
Chai/Lọ /Ống/túi								
Chai/Lọ /Ống/túi								
Chai/Lọ /Ống/túi								
Chai/Lọ /Ống/túi								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Chai/Lọ /Ống/túi								
Chai/Lọ /Ống/túi								

Chai/Lọ /Ống/túi								
Chai/Lọ /Ống/túi								
Chai/Lọ /Ống/túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Can/Bình								
Can/Bình								

Can/Bình								
Can/Bình								
Can/Bình								
Can/Bình								
Can/Bình								
Can/Bình								
Can/Bình								
Can/Bình								
Túi								

Túi								
Túi								
Túi								
Túi								

Túi								
Túi								
Túi								

Túi								
Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		38	250	250	250	250	1000	250
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Bơm tiêm								
Bơm tiêm								
Bơm tiêm								
Bơm tiêm								
Bơm tiêm								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống		71	200	200	200	200	800	200
Ống								
Ống								
Ống		71	200	200	200	200	800	200
Ống								
Chai/Lọ /Ống/túi								
Chai/Lọ /Ống/túi								
Chai/Lọ /Ống/túi								
Chai/Lọ /Ống/túi								
Chai/Lọ /Ống/túi								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Lọ/ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Lọ/Bơm tiêm								

Lọ/Bơm tiêm								
Lọ/Bơm tiêm								
Lọ/Bơm tiêm								
Lọ/Bơm tiêm								
Lọ/Bơm tiêm								
Lọ/Bơm tiêm								
Lọ/Bơm tiêm								
Lọ/Bơm tiêm								
Lọ/Bơm tiêm								
Lọ/Bơm tiêm								
Lọ/Bơm tiêm								
Lọ/Bơm tiêm								
Lọ/Bơm tiêm								
Lọ/Bơm tiêm								
Lọ/Bơm tiêm								
Lọ/Bơm tiêm								
Lọ/Bơm tiêm								
Lọ/Bơm tiêm								
Lọ/Bơm tiêm								
Viên								
Viên								
Viên		0	500	500	500	500	2000	500
Viên								
Viên								

Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ /Ống								
Chai/Lọ /Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/Ống/Bình								
Chai/Lọ/Ống/Bình								
Chai/Lọ/Ống/Bình								
Chai/Lọ/Ống/Bình								
Chai/Lọ/Ống/Bình								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Lọ/bơm tiêm								
Lọ/bơm tiêm								
Lọ/bơm tiêm								
Lọ/bơm tiêm								
Lọ/bơm tiêm								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								

Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Bơm tiêm								
Bơm tiêm								
Bơm tiêm								
Bơm tiêm								
Bơm tiêm								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								

Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Bơm tiêm								

Bơm tiêm								
Bơm tiêm								
Bơm tiêm								
Bơm tiêm								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								

Chai/Lọ Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		0	500	500	500	500	2000	500
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi		110	100	100	100	100	400	100
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								

Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								

Tuýp								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Bơm tiêm								
Bơm tiêm								
Bơm tiêm								
Bơm tiêm								
Bơm tiêm								
Viên								
Viên		-	1.250	1.250	1.250	1.250	5.000	1.250
Viên								
Viên		5.272	5.000	5.000	5.000	5.000	20.000	5.000
Viên								
Viên								
Viên		-	2.000	2.000	2.000	2.000	8.000	3.000
Viên								
Viên		17.075	10.000	10.000	10.000	10.000	40.000	10.000
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								

Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
viên								
viên								
viên								
viên								
viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								

Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Bút tiêm								
Bút tiêm								
Bút tiêm								
Bút tiêm								
Bút tiêm								

Bút tiêm								
Bút tiêm								
Bút tiêm								
Bút tiêm								
Bút tiêm								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Bút tiêm								
Bút tiêm								
Bút tiêm								
Bút tiêm								
Bút tiêm								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								

Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		0	1000	1000	1000	1000	4000	1000
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								

Gói								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								

Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Miếng								
Miếng								
Miếng								
Miếng								
Miếng								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								

Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								

Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		0	300	300	300	300	1200	300
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								

Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								

Gói								
Gói								
Gói								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		0	3000	3000	3000	3000	12000	3000
Viên								
Viên		0	1500	1500	1500	1500	6000	1500
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Túi								
Túi								
Túi								
Túi								
Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ Ống/Túi								

Chai/Lọ Ống/Túi								
Chai/Lọ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		0	500	500	500	500	2000	500
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								

Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/lọ								
Chai/lọ								
Chai/lọ								
Chai/lọ								
Chai/lọ								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								

Ống								
Ống								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		0	3000	3000	3000	3000	12000	3000
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ Ống/Túi								
Chai/Lọ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ Ống/Túi								
Viên		1303	250	250	250	250	1000	250
Viên								
Viên								
Viên			500	500	500	500	2000	500
Viên								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Ống								
Ống								

Ống								
Ống								
Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								

Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi		414	250	250	250	250	1000	250
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								

Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								

Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ		151	100	100	100	100	400	100
Chai/Lọ								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Gói								

Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								

Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống		201	500	500	500	500	2000	500
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống			100	100	100	100	400	100
Ống								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi		0	25	25	25	25	100	25
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi		0	25	25	25	25	100	25
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								

Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								

Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/								
Chai/Lọ/								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên		155017	50000	50000	50000	50000	200000	50000
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		0	5000	5000	5000	5000	20000	5000
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								

Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Viên			250	250	250	250	1000	250
Viên		1079	500	500	500	500	2000	500
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ Ống/Túi								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								

Ống								
Ống								
Ống								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Viên								
Viên			500	500	500	500	2000	500
Viên		20151	10000	10000	10000	10000	40000	10000
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Gói								
Gói								
Gói								

Gói			500	500	500	500	2000	500
Gói								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ/ Ống								
Chai/Lọ /Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								

Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								

Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		8932	3000	3000	3000	3000	12000	3000
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ		0	25	25	25	25	100	25
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								

Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ		0	50	50	50	50	200	50
Chai/Lọ								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên			100	100	100	100	400	100
Viên			500	500	500	500	2000	500
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								

Viên		0	3000	3000	3000	3000	12000	3000
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
viên								
viên								
viên								
viên								
viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ Ống/Túi								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								

Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		16080	6000	6000	6000	6000	24000	8000
Viên								
Viên		0	2000	2000	2000	2000	8000	2000
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống		0	100	100	100	100	400	150
Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								

Lọ/Ống								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/Túi								
Chai/Lọ/Túi								
Chai/Lọ/Túi								
Chai/Lọ/Túi								
Chai/Lọ/Túi								
Chai/Lọ/Túi								
Chai/Lọ/Túi								
Chai/Lọ/Túi								

Chai/Lọ/ Túi								
Chai/Lọ/ Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		0	3000	3000	3000	3000	12000	3000
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		0	250	250	250	250	1000	250
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		45.135	15.000	15.000	15.000	15.000	60.000	20.000
Viên		-	5.000	5.000	5.000	5.000	20.000	5.000
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
chai/Lọ/ Ống/túi								
chai/Lọ/ Ống/túi								

chai/Lọ/ Ống/túi								
chai/Lọ/ Ống/túi								
chai/Lọ/ Ống/túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ /Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ /Ống/Bình								
Ống								

Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ /Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ /Ống/Bình								
Chai/Lọ /Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Ống								
Ống								
Ống								

Ống								
Ống								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ /Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								

Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Viên		80	250	250	250	250	1000	250
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		80	250	250	250	250	1000	250
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên			250	250	250	250	1000	250
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								

Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Viên								
Viên			250	250	250	250	1000	250
Viên								
Viên			250	250	250	250	1000	250
Viên								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								

Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Gói								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								

Tuýp								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		13778	3000	3000	3000	3000	12000	3000
Viên								
Viên								
Viên			3000	3000	3000	3000	12000	3000
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Chai/Lọ/Ống/Túi								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								

Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Bình								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Lọ								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Lọ/Ống/								
Lọ/Ống/								
Lọ/Ống/								
Lọ/Ống/								
Lọ/Ống/								
Lọ/Ống/								
Lọ/Ống/								
Lọ/Ống/								
Lọ/Ống/								
Lọ/Ống/								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Ống								
Ống								

Ống								
Ống								
Ống								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Tuýp								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên			3000	3000	3000	3000	12000	3000
Viên								
Viên			500	500	500	500	2000	500
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		68.443	30.000	30.000	30.000	30.000	120.000	30.000
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Lọ/Ống								
Chai/Lọ/ Ống/túi								
Chai/Lọ/ Ống/túi								
Chai/Lọ/ Ống/túi								
Chai/Lọ/ Ống/túi								
Chai/Lọ/ Ống/túi								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		7.867	5.000	5.000	5.000	5.000	20.000	5.000
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								

Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		29714	2.500	2.500	2.500	2.500	10.000	2.500
Viên								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Viên								
Viên								

Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên		0	250	250	250	250	1000	250
Viên								
Viên		0	250	250	250	250	1000	250
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								
Ống								

Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Chai/Lọ								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Viên								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ /Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								
Chai/Lọ/ Ống/Túi								

Chai/Lọ /Ống/Túi								

ıng cấp địa phương đối với thuốc
p do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành

lượng không phổ biến đưa ra khỏi DM

Năm 2026				Số lượng dự trù năm 2025	Số lượng dự trù Năm 2026	Thành tiền theo giá kế hoạch dự kiến
Qúy 2	Qúy 3	Qúy 4	tổng năm 2026			
16	17	18	19	20	21	22
12500	12500	12500	50000	40000	50000	

300	300	300	1200	1200	1200	

5000	5000	5000	20000	20000	20000	

1000	1000	1000	4000	4000	4000	
500	500	500	2000	2000	2000	
500	500	500	2000	2000	2000	

1000	1000	1000	4000	4000	4000	
50	50	50	200	200	200	
200	200	200	800	800	800	

50	50	50	200	200	200	

500	500	500	2000	2000	2000	

3000	3000	3000	12000	12000	12000	

300	300	300	1200	1200	1200	

500	500	500	2000	2000	2000	

3000	3000	3000	12000	12000	12000	

500	500	500	2000	2000	2000	

250	250	250	1000	1000	1000	
250	250	250	1000	1000	1000	

2000	2000	2000	8000	8000	8000	
15.000	15.000	15.000	60.000	40.000	60.000	

500	500	500	2000	2000	2000	
500	500	500	2000	2000	2000	

700	700	700	2800	2800	2800	
300	300	300	1200	1200	1200	
2000	2000	2000	8000	6000	8000	
1000	1000	1000	4000	4000	4000	

250	250	250	1000			

200	200	200	800	800	800	
200	200	200	800	800	800	

500	500	500	2000	2000	2000	

100	100	100	400	400	400	

1.250	1.250	1.250	5.000	5.000	5.000	
5.000	5.000	5.000	20.000	20.000	20.000	
3.000	3.000	3.000	12.000	8.000	12.000	
10.000	10.000	10.000	40.000	40.000	40.000	

1000	1000	1000	4000	4000	4000	

300	300	300	1200	1200	1200	

3000	3000	3000	12000	12000	12000	
1500	1500	1500	6000	6000	6000	

500	500	500	2000	2000	2000	

3000	3000	3000	12000	12000	12000	

250	250	250	1000	1000	1000	
500	500	500	2000	2000	2000	

100	100	100	400	400	400	

500	500	500	2000	2000	2000	
100	100	100	400	400	400	
25	25	25	100	100	100	
25	25	25	100	100	100	

250	250	250	1000	1000	1000	
500	500	500	2000	2000	2000	

500	500	500	2000	2000	2000	
10000	10000	10000	40000	40000	40000	

500	500	500	2000	2000	2000	

3000	3000	3000	12000	12000	12000	

50	50	50	200	200	200	

3000	3000	3000	12000	12000	12000	

8000	8000	8000	32000	24000	32000	
2000	2000	2000	8000	8000	8000	
150	150	150	600	400	600	

3000	3000	3000	12000	12000	12000	
250	250	250	1000	1000	1000	
20.000	20.000	20.000	80.000	60.000	80.000	
5.000	5.000	5.000	20.000	20.000	20.000	

250	250	250	1000			
250	250	250	1000	1000	1000	
250	250	250	1000	1000	1000	

250	250	250	1000			
250	250	250	1000			

3000	3000	3000	12000			
3000	3000	3000	12000			

30.000	30.000	30.000	120.000	120.000	120.000	

5.000	5.000	5.000	20.000	20.000	20.000	

2.500	2.500	2.500	10.000	10.000	10.000	

250	250	250	1000			
250	250	250	1000			

Giải trình đối với số lượng dự trù (12 tháng của mỗi năm dự trù 2025-2026) cao hơn 150% so với số lượng đã mua (12 tháng thầu từ 06/2023-06/2024) HOẶC thuốc mới phát sinh nhu cầu	Tùy chọn mua thêm	
	<=30%	Số khác
23	24	25